

Ngày 04 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

- Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
- Mã chứng khoán: TDW
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, P.Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM
- Điện thoại: 028 3896 0240 Fax: 028 3896 0241
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Ngọc Hùng
- Chức vụ: Giám đốc.
- Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ, ☐ bất thường, ☐ 24 giờ, ☐ theo yêu cầu.

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức công bố thông tin các nội dung sau:

- Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Lý do: Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04/4/2022 tại đường dẫn www.capnuocthuduc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hùng

THÔNG BÁO

Mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức trân trọng kính mời Quý cổ đông có tên trong danh sách cổ đông ngày 30/3/2022 đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- **Thời gian khai mạc:** 9h00' Thứ ba, ngày 26 tháng 4 năm 2022.
- **Địa điểm:** Trung tâm hội nghị Minh Thù - Số 01-02A Alexander DeRhode, phường Bình Thới, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM.
- **Nội dung Đại hội:**
 - Các Quy chế; Quy định có liên quan và Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2021; Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2017 – 2022.
 - Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2021; Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2017 – 2022.
 - Báo cáo các nội dung về tài chính: Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán; Báo cáo quỹ lương thực hiện và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021; Kế hoạch thù lao năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021.
 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch tài chính năm 2022.
 - Tờ trình các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Sửa đổi Điều lệ.
 - Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027.
- **Tham dự Đại hội:**

Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự đại hội xin vui lòng mang theo các giấy tờ:

 - Thông báo mời họp/ Giấy đăng ký dự họp (theo mẫu đính kèm).
 - Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền).
 - Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu.
- **Tài liệu phục vụ Đại hội:**

Quý cổ đông vui lòng tải tài liệu tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử www.capnuocthuduc.vn.

Ý kiến đóng góp thảo luận tại Đại hội và Giấy đề cử ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027 gửi về trụ sở của Công ty trước 16h30' ngày 19/4/2022 (Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM. Điện thoại: 028 3896 0240, Fax: 028 3896 0241, Email:cntd@Capnuocthuduc.vn)

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận :

- Như trên;
- SGDCK; UBCKNN;
- HĐTV-TCTy;
- HĐQT; BKS;
- BGĐ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Nguyễn Tổng
Đăng Khoa
Chức vụ: Chủ tịch hội
đồng quản trị
Ký ngày: 04.04.2022
09:33:11

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

TÀI LIỆU
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Thành phố Thủ Đức, tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

Nội dung chương trình	3
Quy chế tổ chức Đại hội.	4
Thẻ lệ biểu quyết	10

PHẦN I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 13

A. Báo cáo hoạt động năm 2021 13

I. Tình hình quản trị Công ty 13

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	13
2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BDH	16
3. Những thay đổi trong HĐQT, BKS, BDH	18
4. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	19

II. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và Người điều hành khác 19

1. Công tác quản lý, giám sát của HĐQT	19
2. Đánh giá hoạt động của Công ty	19
3. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc	20

III. Định hướng hoạt động năm 2022 20

B. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2017 – 2022; Kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ tới..... 21

PHẦN II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 25

A. Báo cáo hoạt động năm 2021 25

I. Hoạt động của Ban kiểm soát..... 25

1. Cơ cấu tổ chức	25
2. Hoạt động của BKS	25
3. Các cuộc họp trong năm của BKS	26
4. Tiền lương, thù lao của BKS	27

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 27

III. Kết quả hoạt động của Công ty 28

1. Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021.....	28
2. Thẩm định báo cáo tài chính.....	33

B. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2017 – 2022; Kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ tới 33

PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BGĐ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021..... 40

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 40

1. Kết quả thực hiện.....	40
2. Đánh giá kết quả thực hiện	40
3. Những tiến bộ đã đạt được.....	42

II. Kết quả hoạt động tài chính, BCTC năm 2021 kiểm toán	43
1. Kết quả thực hiện	43
2. Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2021	43
3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	44
4. Ý kiến của đơn vị kiểm toán về BCTC năm 2021	45
PHẦN IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022	46
1. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch.....	46
2. Các chỉ tiêu về SXKD chủ yếu	46
3. Biện pháp thực hiện	47
PHẦN V. TỜ TRÌNH CÁC NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	51
1. Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021	51
2. Quỹ tiền lương thực hiện của NQL, Thù lao HĐQT, BKS năm 2021; Kế hoạch thù lao năm 2022	52
3. Kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính và Quỹ tiền lương của NQL năm 2022.....	52
4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022	53
5. Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	53
6. Tạm ứng cổ tức năm 2022.....	54
7. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và đăng ký bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh	54
PHẦN VI. BẦU HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2022 - 2027	58
1. Tờ trình về việc bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027.....	58
2. Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS	59
PHẦN VII. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ	63
PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU	71
BIỂU MẪU GIẤY ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ	73
DỰ THẢO CÁC HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN	77

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
(Tổ chức vào ngày 26 tháng 4 năm 2022)

Stt	Nội dung	Thời gian
I	ĐĂNG KÝ DỰ HỌP ĐHĐCĐ	08:30 – 9:00
1	Cổ đông đăng ký dự họp	
I	KHAI MẠC, BẦU CHỦ TỌA, THƯ KÝ ĐẠI HỘI	09:00 – 9:20
2	Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự	
3	Khai mạc, giới thiệu Đại biểu.	
4	Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu; Ban thư ký	
5	Thông qua nội dung chương trình và Quy chế tổ chức đại hội	
II	NỘI DUNG CHÍNH	09:20 – 10:00
6	Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2021; Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2017 – 2022.	
7	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2021; Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2017 - 2022	
8	Báo cáo các nội dung tài chính: Tóm tắt Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán Báo cáo quỹ lương thực hiện và thù lao của HĐQT, BKS năm 2021; Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2022. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021	
9	Thông qua kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính năm 2022	
10	Ủy quyền cho HĐQT xem xét quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.	
11	Thông qua việc ký Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên.	
12	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	
III	BẦU HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2022-2027	10:00 – 10:10
	GIẢI LAO (20 phút)	10:10 – 10:30
IV	THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI	10:30 – 10:40
V	CÔNG BỐ KẾT QUẢ BỎ PHIẾU	10:40 – 10:50
VI	GIỚI THIỆU BIÊN BẢN/ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI	10:50 – 11:00
VII	BẾ MẠC ĐẠI HỘI	11:00

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (sau đây gọi là Đại hội) của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự.

Chương II.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Được biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
2. Được Ban tổ chức đại hội gửi giấy mời họp kèm theo Quy chế đại hội, Chương trình đại hội để nghiên cứu và góp ý trước bằng văn bản cho Ban tổ chức để tổng hợp, hoặc để thảo luận trực tiếp tại Đại hội.
3. Được nhận một Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu. Giá trị biểu quyết của phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.
4. Cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
5. Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết những nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

Điều 4. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi đến tham dự cuộc họp phải mang theo Thông báo triệu tập (thay thư mời) kèm Phiếu đăng ký tham dự, Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền) nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông trước thời điểm khai mạc Đại hội.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
4. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa đại hội và kết quả biểu quyết của Đại hội.

Điều 5. Ban chủ tọa

1. Ban chủ tọa gồm 01 Chủ tọa và các ủy viên do Đại hội biểu quyết thông qua có chức năng điều khiển Đại hội.
2. Chủ tọa đại hội: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chủ trì cuộc họp Đại hội.
3. Quyền và nghĩa vụ của Ban chủ tọa:
 - a) Điều khiển đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.
 - b) Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của Đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình đại hội.
 - c) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - d) Quyết định của Ban chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký

1. Ban thư ký gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do Ban chủ tọa chỉ định để thực hiện ghi chép nội dung cuộc họp và lập biên bản.
2. Nghĩa vụ của Ban thư ký.

- a) Hỗ trợ Ban chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết Đại hội và gửi thông báo của Ban chủ tọa đến Cổ đông khi được yêu cầu;
- b) Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Cổ đông, chuyển Ban chủ tọa quyết định;
- c) Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội;
- d) Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.
- đ) Chịu trách nhiệm trước Ban chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và làm việc dưới sự điều hành của Ban chủ tọa.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử, có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra tư cách cổ đông boặc đại diện cổ đông đến dự họp.
- b) Phát cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu và các tài liệu họp khác.
- c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên (không phải là các ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) do Ban chủ tọa giới thiệu để Đại hội thông qua.

2. Ban kiểm phiếu có thể thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ

3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội
 - Hướng dẫn Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền cách sử dụng Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu.
 - Thu lại Phiếu biểu quyết.
 - Ghi lại toàn bộ số phiếu biểu quyết cho từng nội dung theo chương trình;
 - Lập biên bản và cung cấp kết quả kiểm phiếu để Chủ tọa công bố trước Đại hội.
- b) Đối với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
 - Thông báo, hướng dẫn Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát
 - Hướng dẫn Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền cách sử dụng Phiếu bầu cử.
 - Tiến hành kiểm phiếu; Lập biên bản và cung cấp kết quả kiểm phiếu để Chủ tọa công bố trước Đại hội.

Chương III

TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập Đại hội.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày
2. Đại hội lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình đại hội.

Điều 11. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội:

- a) Thông qua Báo cáo tài chính năm;
 - b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các quyết định của Đại hội liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 13. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự

định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quy chế gồm 5 Chương và 14 Điều, được Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội cổ đông thông qua.
2. Quy chế có hiệu lực ngay khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
3. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
4. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Nguyễn Tổng
Đăng Khoa
Chức vụ: Chủ tịch hội
đồng quản trị
Ký ngày: 04.04.2022
09:34:13

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Thẻ lệ biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (gọi tắt là Đại hội) được tiến hành như sau:

Điều 1. Nguyên tắc; Hình thức biểu quyết.

1. Nguyên tắc thực hiện:

- a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết.
- b) Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

2. Hình thức biểu quyết:

- a) Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

Hình thức giơ Thẻ biểu quyết được dùng để thông qua các nội dung: Quy chế; Chương trình đại hội, bầu chọn Ban chủ tọa; Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, Biên bản và Nghị quyết đại hội, và các nội dung khác không thuộc nội dung tại tờ trình của Hội đồng quản trị.

- b) Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết:

Hình thức biểu quyết bằng cách điền vào Phiếu biểu quyết được dùng để thông qua các nội dung tại Tờ trình đại hội, và bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- c) Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 2. Cách thức biểu quyết:

- a) Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” đối với một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết.
- b) Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu

quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giờ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ

c) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “x” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu

d) Khi tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Mỗi cổ đông sẽ được phát một phiếu bầu, trên đó tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

đ) Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi việc bỏ Phiếu biểu quyết kết thúc thì vẫn được đăng ký đại biểu và biểu quyết với những vấn đề phát sinh sau khi cổ đông đó đăng ký, nhưng không được phép tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

e) Sau khi hoàn thành tất cả các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông.

Điều 3. Cách xác định phiếu hợp lệ và phiếu không hợp lệ

a) Phiếu biểu quyết

(i) Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

(ii) Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là phiếu có nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b) Phiếu bầu cử

(i) Phiếu bầu cử hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có

chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

(ii) Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

Điều 4. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các Cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Trước khi mở hòm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không dùng tới hoặc phiếu bị trả lại do cổ đông đổi phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được và cung cấp cho Chủ tọa để công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Điều 5. Những khiếu nại về việc kiểm phiếu

1. Cổ đông có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến biểu quyết. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.
2. Những khiếu nại về việc kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thẻ lệ biểu quyết có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và chỉ được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2022.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Nguyễn Tổng
Đăng Khoa
Chức vụ: Chủ tịch hội
đồng quản trị
Ký ngày: 04.04.2022
09:34:37

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

PHẦN I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021;
- Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021;
- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, tổng kết nhiệm kỳ 2017- 2022 và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2022- 2027 như sau :

A. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Thành viên và cơ cấu

S t	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện số hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	CT.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Chuyên trách
2	Nguyễn Ngọc Hùng	TV.HĐQT kiêm GD	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Điều hành
3	Đặng Đức Hiền	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	+ Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. + Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn.					

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
4	Lê Trọng Thuận	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác	Trưởng phòng Kinh doanh Dịch vụ khách hàng Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV					
5	Trương Khắc Hoàn	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	- Giám đốc Công ty TNHH Nước sạch REE - Thành viên HĐQT Công ty TNHH TK Cộng					
6	Nguyễn Anh Tuấn	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	- Chuyên viên dự án nước - Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định. - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè. - Thành viên HĐQT Công ty Cấp thoát nước Khánh Hòa. - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà.					

1.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và bộ máy điều hành

Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban giám đốc trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Các nội dung giám sát gồm:

- Công tác điều hành của Ban giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Công tác điều hành, chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Công tác công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Năm 2021, Ban giám đốc đã nỗ lực trong điều hành công ty, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị. Với kết quả đạt được, Hội đồng quản trị đánh giá Ban giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, cụ thể:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn.
- Chính sách điều hành minh bạch, có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách quy định của Nhà nước trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và công bố thông tin.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): không

1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của công ty.

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
1	002 /NQ-CNTĐ-HĐQT	26/02/2021	<ul style="list-style-type: none">- Kế hoạch triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;- Đơn giá/Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ năm 2017 đến năm 2021;- Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước- Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021;- Nội dung liên quan đến công tác kiểm toán nội bộ;
2	004 /NQ-CNTĐ-HĐQT	26/03/2021	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo chỉ tiêu tài chính thực hiện và Dự thảo BCTC kiểm toán năm 2020.- Quỹ lương thực hiện của Người quản lý và NLĐ năm 2020.- Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2021.- Các nội dung về kết chuyển chi phí trong năm 2020.- Kế hoạch tài chính năm 2021.- Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020 (trình ĐHĐCĐ)- Đánh giá xếp loại doanh nghiệp, Người quản lý năm 2020.- Miễn nhiệm thành viên HĐQT/BKS.- Nội dung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
3	009/NQ-CNTĐ-HĐQT	22/4/2021	<ul style="list-style-type: none">- Miễn nhiệm Giám đốc/Phó giám đốc.- Bổ nhiệm Giám đốc/Phó giám đốc.- Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.- Thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ.- Nhân sự bộ phận kiểm toán nội bộ- Quy chế và quy trình kiểm toán nội bộ

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
4	693/QĐ-CNTĐ-HĐQT	22/4/2021	- Bổ nhiệm Giám đốc
5	694/QĐ-CNTĐ-HĐQT	22/4/2021	- Bổ nhiệm Phó Giám đốc
6	011/QĐ-CNTĐ-HĐQT	22/4/2021	- Bổ nhiệm Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ
7	012/QĐ-CNTĐ-HĐQT	22/4/2021	- Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ
8	015/NQ-CNTĐ-HĐQT	28/5/2021	- Báo cáo tài chính quý I năm 2021. - Hợp đồng thuê tài sản với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn. - Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021. - Kế hoạch kiểm toán nội bộ
9	20/NQ-CNTĐ-HĐQT	03/9/2021	- Điều chỉnh quy mô và tổng mức đầu tư công trình có khối lượng thực tế cao hơn khối lượng kế hoạch - Miễn, giảm, giãn nợ tiền nước sinh hoạt cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.
10	023/NQ-CNTĐ-HĐQT	28/9/2021	- Bổ sung ngành nghề kinh doanh - Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch mua sắm vật tư, trang thiết bị năm 2021 - Điều chỉnh phạm vi công việc đầu tư xây dựng năm 2021 - Thanh lý tài sản cố định - Sơ kết 6 tháng đầu năm 2021 - Về việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước

1.5. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị : Không

1.6. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty:

a) Danh sách thành viên tham gia khóa đào tạo về quản trị trong năm 2021: không

b) Danh sách các thành viên đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty:

- Lâm Tứ Duy – Phó giám đốc.
- Nguyễn Thị Ngọc Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát.
- Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty.

2. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

2.1. Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương năm 2021	Thù lao năm 2021	Thưởng vượt kế hoạch 2020 (NQL)	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT	582.295.402	-	70.755.512	Chuyên trách
2	Hứa Trọng Nghi	TV-GĐ	278.501.363	24.000.000	70.755.512	Miễn nhiệm ngày 22/4/2021
3	Nguyễn Ngọc Hùng	TV-GĐ	272.468.403	48.000.000	-	Bổ nhiệm ngày 22/4/2021
4	Đặng Đức Hiền	TV	-	72.000.000	10.038.889	
5	Lê Trọng Thuần	TV	-	72.000.000	18.533.333	
6	Lục Chánh Trường	TV	-	24.000.000	18.533.333	Miễn nhiệm ngày 22/4/2021
7	Nguyễn Ngọc Thái Bình	TV	-	24.000.000	18.533.333	Miễn nhiệm ngày 22/4/2021
8	Trương Khắc Hoàn	TV	-	48.000.000	-	Bổ nhiệm ngày 22/4/2021
9	Nguyễn Anh Tuấn	TV	-	48.000.000	-	Bổ nhiệm ngày 22/4/2021
10	Nguyễn Văn Dụ	TV	-	-	8.494.444	Miễn nhiệm ngày 12/6/2020
BAN KIỂM SOÁT						
1	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng ban	487.280.224	-	60.614.657	Bổ nhiệm ngày 12/6/2020
2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	TV	-	48.000.000	9.266.667	
3	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	TV	-	32.000.000	-	Bổ nhiệm ngày 22/4/2021
4	Hoàng Ngọc Lâm	TV	-	48.000.000	9.266.667	
5	Hoàng Thanh Bình	Trưởng ban	-	-	27.781.718	Miễn nhiệm ngày 12/6/2020
6	Lê Văn Diễm	TV	-	16.000.000	9.266.667	Miễn nhiệm ngày 22/4/2021
BAN ĐIỀU HÀNH						
1	Lâm Tứ Duy	PGĐ	513.059.400	-	63.841.292	
2	Nguyễn Công Minh	PGĐ	250.534.294	-	63.841.292	Miễn nhiệm ngày 22/4/2021
3	Nguyễn Tuấn Ngọc	PGĐ	245.904.761	-	-	Bổ nhiệm ngày 22/4/2021
4	Cao Hữu Lộc	Kế toán trưởng	427.490.354	-	31.210.017	Bổ nhiệm ngày 12/6/2020

2.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn: không

2.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.

Các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (cổ đông nắm giữ 51% cổ phần).

Stt	Số hợp đồng	Ngày	Nội dung	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	1476/HĐ-TCT-KDDVKH	31/3/2021	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (quý 1)	187.341.785.414
2	1616/HĐ-TCT-KDDVKH	06/4/2021	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (quý 2)	193.502.955.002
3	2660/HĐ-TCT-KDDVKH	27/5/2021	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (quý 3, quý 4)	379.335.872.562
4	Phụ lục số 01	31/12/2021	Điều chỉnh giảm giá mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 1 đến kỳ 12	-27.418.869.894
5	2976/HĐ-TCT-KTTC	14/6/2021	Hợp đồng thuê tài sản hoạt động	12.017.509.518
6	Phụ lục số 01	31/12/2021	Phụ lục hợp đồng thuê tài sản	91.290.254
7	5200/HĐ-TCT-KHĐT	16/11/2021	Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước	3.562.388.500
			Tổng cộng	748.432.931.356

2.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

3. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HĐQT, BKS, BDH

Stt	Họ tên thành viên miễn nhiệm/ bổ nhiệm	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm	Thời gian miễn nhiệm
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Hứa Trọng Nghi	Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty	22/4/2018	22/4/2021
2	Lục Chánh Trường	Thành viên	19/4/2017	22/4/2021
3	Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	19/4/2017	22/4/2021
4	Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty	22/4/2021	
5	Trương Khắc Hoàn	Thành viên	22/4/2021	
3	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	22/4/2021	
II	BAN KIỂM SOÁT			
1	Lê Văn Diễn	Thành viên	19/4/2017	22/4/2021
2	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	22/4/2021	
III	BAN GIÁM ĐỐC			
1	Nguyễn Công Minh	Phó giám đốc	25/5/2020	22/4/2021
2	Nguyễn Tuấn Ngọc	Phó giám đốc	22/4/2021	

4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Stt	Chủ trương của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện trong năm 2021
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh
2	Chi trả cổ tức năm 2020	Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền. - Tỷ lệ thanh toán: 12% - Ngày thanh toán: từ ngày 28/5/2021.
3	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021	Ban hành Nghị quyết 015/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 28/5/2021 về việc chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021
4	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	Công ty đã ký kết các hợp đồng với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (chi tiết xem tại mục 2.3 báo cáo này)
5	Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước do Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	Công ty đã ký kết hợp đồng với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (chi tiết xem tại mục 2.3 báo cáo này).
6	Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước	Công ty đã ký kết hợp đồng với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (chi tiết xem tại mục 2.3 báo cáo này).

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

1. Công tác quản lý, giám sát của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị duy trì việc giám sát hoạt động của Ban giám đốc nhằm đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng nội dung nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và khách hàng.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò quản lý, giám sát toàn diện các mặt hoạt động của công ty, đưa ra định hướng đúng đắn, giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục những khó khăn, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững.

2. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty

Do tác động của đại dịch Covid-19, một số nơi như trường học, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, nhà hàng, khách sạn và các tổ chức khác tạm ngưng hoạt động làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của đơn vị. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của tập thể, năm 2021 Công ty đã hoàn thành kế hoạch được giao.

Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn, đồng thời cung cấp đầy đủ và kịp thời báo cáo theo quy định của Luật Kế toán và Luật Chứng khoán, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị nội bộ.

Về mặt kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở thêm kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.

Đánh giá được tầm quan trọng và hiệu quả của Chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; kiểm soát các khu vực có đồng hồ nước tiểu vùng; tăng cường công tác dò tìm và sửa bể...

Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Chỉ đạo và giám sát thường xuyên công tác tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.

3. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc (Giám đốc và người điều hành khác)

Ban giám đốc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty;

Năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng Ban giám đốc đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý.

Duy trì chế độ họp nghiệp vụ định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò chỉ huy và thống nhất trong Ban giám đốc.

Ban giám đốc đã có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy và quản lý công việc hiệu quả.

Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Ban giám đốc trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban giám đốc tập trung vào các mục tiêu sau

- Nâng cao sản lượng, doanh thu.
- Phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống còn 14,70%.
- Giữ vững chỉ tiêu 100% tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch.
- Đảm bảo chất lượng nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà nước.
- Từng bước áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước, và dịch vụ khách hàng.

- Bảo toàn, sử dụng hiệu quả đồng vốn của Công ty.
- Duy trì hoạt động kinh doanh có lãi.
- Đảm bảo thu nhập và chăm lo đời sống tinh thần của CB-CNLĐ.

Để đạt được các chỉ tiêu đã đề ra, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng chiến lược phát triển của công ty, tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ Ban giám đốc nhằm đạt được hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh, cũng như đạt được độ an toàn và hiệu quả cao nhất cho đồng vốn đầu tư của quý cổ đông.

B. BÁO CÁO TỔNG KẾT CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2017 - 2022:

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NHIỆM KỲ 2017 – 2022

1. Nhân sự Hội đồng quản trị

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được tổ chức vào ngày 19/4/2017, cổ đông đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm 06 thành viên. Trong nhiệm kỳ, một số thành viên đã đệ đơn từ nhiệm, việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường hằng năm.

Tình hình nhân sự Hội đồng quản trị tính từ đầu nhiệm kỳ đến thời điểm hiện tại:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Chủ tịch	19/4/2017		
2	Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên – Giám đốc	19/4/2017	26/4/2018	Miễn nhiệm theo đơn
3	Nguyễn Văn Dụ	Thành viên	19/4/2017	12/6/2020	Miễn nhiệm theo đơn
4	Lý Thành Tài	Thành viên	19/4/2017	26/4/2018	Miễn nhiệm theo đơn
5	Lục Chánh Trường	Thành viên	19/4/2017	22/4/2021	Miễn nhiệm theo đơn
6	Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	19/4/2017	22/4/2021	Miễn nhiệm theo đơn
7	Lê Hữu Quang	Thành viên	26/4/2018	07/11/2019	Miễn nhiệm theo đơn
8	Hứa Trọng Nghi	Thành viên – Giám đốc	26/4/2018	22/4/2021	Miễn nhiệm theo đơn
9	Lê Trọng Thuần	Thành viên	07/11/2019		
10	Đặng Đức Hiền	Thành viên	12/6/2020		
11	Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên – Giám đốc	22/4/2021		
12	Trương Khắc Hoàn	Thành viên	22/4/2021		
13	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	22/4/2021		

2. Thực thi trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ vừa qua đã đưa ra định hướng hoạt động, vừa thực thi các nghị quyết của ĐHĐCĐ hằng năm, nhằm củng cố và phát triển hoạt động của Công ty trong công tác quản trị.

Hội đồng quản trị được Đại hội bầu ra thay mặt cổ đông quản lý công ty theo Điều lệ và các văn bản pháp luật liên quan, làm việc theo nguyên tắc đa số nhất trí. Ngoài việc đảm bảo tính đồng thuận trong việc ra quyết định, trong quá trình thảo luận tại các phiên họp, từng thành viên đều có ý kiến riêng, độc lập của mình để Hội đồng quản trị bàn bạc, làm rõ và điều chỉnh để tìm được tiếng nói chung. Có thể nói, Hội đồng quản trị là một tập thể thống nhất trong việc đưa ra những chính sách tích cực, đáp ứng nguyện vọng của cổ đông.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông đúng theo quy định và đã tiến hành 44 phiên họp thường kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo hoạt động của công ty.

Mục tiêu phấn đấu của Hội đồng quản trị là chỉ đạo, quản lý công ty đạt các chỉ tiêu đã cam kết trước Đại hội đồng cổ đông, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.

Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chiến lược phát triển của công ty, từ đó giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành.

3. Kết quả hoạt động từ 2017 - 2021

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	2020	2021
A. Sản xuất kinh doanh							
1	Sản lượng nước cung cấp	1.000 m ³	74.539	82.360	90.285	96.651	97.264
2	Doanh thu tiền nước	tr.đồng	680.706	751.624	839.851	1.001.918	1.034.059
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100	100	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	16,74	18,92	18,00	12,00	14,16
B. Tài chính							
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	702.795	764.554	850.458	1.014.524	1.049.486
2	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	18.721	14.608	19.484	35.495	32.015
3	Cổ tức	%	9,00	9,50	12,00	12,00	12,00
C. Quỹ tiền lương của Người quản lý (NQL)							
1	Quỹ tiền lương NQL	tr.đồng	3.140	3.110	3.110	3.110	3.110
2	Thù lao NQL (không chuyên trách)	tr.đồng	437	366	504	504	504

II. Nhận định – Đánh giá

a) Nhận định:

Trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021 Công ty đã có những bước tiến đáng kể, trong đó nổi bật là chỉ tiêu sản lượng nước cung cấp, doanh thu tiền nước và giảm tỷ lệ nước thất thoát, thất thu.

Thực hiện chủ trương đảm bảo sản xuất và cung cấp nước, an toàn, liên tục, đạt chất lượng, Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên chức đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm. Để đạt được kết quả trên, Công ty đã có những cải tiến trong công tác quản lý, đọc số, thu tiền. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý đã góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng tỷ lệ thực thu.

Những thành quả đã đạt được là niềm tự hào, sự khích lệ to lớn để Công ty tiếp tục phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng phục vụ khách hàng, góp phần vào sự phát triển của ngành cấp nước Thành phố.

b) Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022.

▪ Ưu điểm:

Theo mô hình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, từ đơn vị hạch toán phụ thuộc chuyển sang hạch toán độc lập đã mang lại một sức sống mới, từ thụ động chuyển sang chủ động trong công tác, quyền lợi người lao động gắn liền với trách nhiệm trong công việc. Mặc dù bước đầu gặp không ít khó khăn nhưng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc luôn đoàn kết, tập trung lãnh đạo Công ty hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục phục vụ khách hàng. Khối lượng công việc thực hiện trong 05 năm qua là thành tích vượt bậc trong 30 năm hình thành và phát triển của công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị luôn đoàn kết, thống nhất cao để đưa ra những quyết định, định hướng phát triển mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ được giao, hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao hằng năm. Tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định hiện hành về hoạt động của Hội đồng quản trị.

▪ Một số hạn chế

- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng chậm.
- Công tác quản lý hệ thống cấp nước còn chưa được hoàn thiện. Mặc dù ở khu vực đầu nguồn nhưng vào mùa khô vẫn còn một số khu vực áp lực nước yếu.
- Công tác cải cách hành chính tuy có nhiều tiến bộ nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

III. Phương hướng hoạt động của nhiệm kỳ 2022 – 2027

1. Định hướng trong tương lai

Trong thời gian tới, với quy hoạch phát triển của Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đòi hỏi Công ty phải nỗ lực hơn nữa để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân; tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Công ty quản lý cũng như của toàn Tp.HCM nói chung. Công ty cần xác định, khai thác các cơ hội trong từng giai đoạn khó khăn thách thức để phát triển. Cần phát huy thế mạnh của mô hình cổ phần hóa nhằm góp phần tạo sự chủ động trong công tác sản xuất kinh doanh; tập trung sắp xếp hoàn thiện bộ máy tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, kết hợp định hướng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của đơn vị.

2. Phương án, giải pháp thực hiện

2.1 Công tác điều hành và quản trị doanh nghiệp

- Hội đồng quản trị tiếp tục giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của doanh nghiệp theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm.
- Phối hợp cùng Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập trong quá trình điều hành quản lý Công ty nhằm đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời các rủi ro xảy ra trong hoạt động tài chính.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp.
- rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy trình cho phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế tại doanh nghiệp để tạo sự chủ động, tính chịu trách nhiệm đi kèm, tăng cường kiểm tra giám sát tính tuân thủ và hiệu quả công việc.
- Hoàn thiện, kiện toàn bộ máy tổ chức tinh gọn cho phù hợp với hoạt động của công ty cổ phần và xu thế phát triển trong khu vực.
- Thành lập tiểu ban để đánh giá, giám sát các dự án đầu tư, quy trình đầu tư để đảm bảo công tác đầu tư xây dựng tại doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định và mang lại hiệu quả đầu tư.

2.2 Công tác nhân sự

Trọng tâm của kế hoạch nhân sự giai đoạn 2022 – 2027 là chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu nhân sự cho mục tiêu phát triển công ty.

Đội ngũ nhân lực đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển doanh nghiệp, để tạo nên tảng vững mạnh thì cần phải đào tạo người lao động nắm được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc. Muốn xây dựng doanh nghiệp bền vững thì đòi hỏi phải dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao, với kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm dày dặn sẽ thúc đẩy năng suất lao động.

2.3 Công tác khác

Tăng cường công tác dân chủ thông qua các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên để xây dựng Công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững.

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, giúp người lao động yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Nguyễn Tổng
Đăng Khoa
Chức vụ: Chủ tịch hội
đồng quản trị
Ký ngày: 04.04.2022
09:31:16

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021;
- Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị Công ty năm 2021, Tổng kết công tác nhiệm kỳ 2017 – 2022 và phương hướng nhiệm kỳ 2022 – 2027;
- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban kiểm soát (BKS) kính trình Đại Hội đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021, tổng kết nhiệm kỳ 2017- 2022 và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2022- 2027 như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát :

Ban kiểm soát năm 2021 (nhiệm kỳ 2017 – 2022) gồm có các thành viên :

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Hoàng Ngọc Lâm - Thành viên Ban kiểm soát.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Lê Văn Diễn - Thành viên Ban kiểm soát. Miễn nhiệm ngày 22/4/2021.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh - Thành viên Ban kiểm soát. Bổ nhiệm ngày 22/4/2021.

2. Các hoạt động của Ban kiểm soát :

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế quản trị công ty, Ban kiểm soát đã xây dựng và triển khai Chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 như sau :

- Giám sát việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ; Thực hiện chia cổ tức cho Cổ đông.
- Giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch tài chính năm 2021;
- Đề xuất Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty;
- Giám sát việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm;
- Xem xét tính phù hợp các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các Quyết định của Ban Giám đốc trong công tác quản lý.
- Kiểm tra tính tuân thủ của Ban giám đốc và các phòng ban đội trong Công ty;
- Kiểm tra phân tích Báo cáo tài chính; Thẩm định các Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ quyền lợi của Cổ đông.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo cho Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng công ty theo quy định.
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát :

Từ đầu năm 2021 đến nay, Ban kiểm soát đã tổ chức 6 phiên họp để trao đổi các công việc của Ban và đồng thời tổ chức kiểm tra, ghi nhận kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính hàng quý và cả năm của Công ty. Các thành viên trong Ban kiểm soát đều tham gia họp đầy đủ. Nội dung các cuộc họp của Ban kiểm soát cụ thể như sau :

Stt	Biên bản họp	Ngày	Nội dung làm việc
1	01/BB-BKS	23/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; - Xem xét kiểm tra Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán. - Thông qua Dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông. - Thông qua Dự thảo Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát.
2	02/BB-BKS	22/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban kiểm soát năm 2021 (nhiệm kỳ 2017-2022). - Đề xuất chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty năm 2021.
3	03/BB-	25/05/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra và đánh giá các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Quý

Stt	Biên bản họp	Ngày	Nội dung làm việc
	BKS		1 năm 2021. - Thẩm định Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2021.
4	01/BB-CNTĐ-BKS	20/08/2021	- Kiểm tra và đánh giá các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021. - Thẩm định Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2021 đã được kiểm toán soát xét.
5	04/BB-BKS	29/10/2021	- Kiểm tra và đánh giá các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021. - Thẩm định Báo cáo Tài chính Quý III năm 2021.
6	01/BB-BKS	23/3/2022	- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. - Xem xét kiểm tra Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán. - Thông qua Dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022. - Và xem xét các nội dung HĐQT chuẩn bị họp trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Trong quá trình làm việc, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi công việc, thông tin, tài liệu để nắm bắt thông tin kịp thời, liên tục; đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

4. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát :

Thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021, thù lao của các thành viên Kiểm soát viên không chuyên trách trong năm 2021 là 4.000.000 đồng/người/tháng.

Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách và lợi ích khác theo chế độ, Thang bảng lương và Thỏa ước Lao động tập thể của Công ty.

Công ty đã chi và hạch toán tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Trưởng Ban kiểm soát; tiền thù lao, tiền thưởng cho các Kiểm soát viên theo đúng quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2021

Công ty đã thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau :

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức 2020 đầy đủ cho Cổ đông và đúng hạn theo quy định.
- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và hạch toán chi phí theo đúng quy định.

- Hội đồng quản trị đã chọn và Công ty đã ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
- Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã thực hiện thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và giao Giám đốc Công ty thực hiện kết ký các hợp đồng gồm : Hợp đồng Mua bán sỉ nước sạch; Hợp đồng Thuê lại mạng lưới cấp nước do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác; Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.
- Thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch tài chính và Quỹ tiền lương Người quản lý năm 2021 với kết quả như sau :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH/KH
A	Sản xuất kinh doanh				
1	Nước tiêu thụ	m ³	102.000.000	97.264.170	95,36%
2	Doanh thu tiền nước	tr.đồng	1.119.280	1.034.059	92,39%
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100%
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	15,3	14,16	giảm 1,14%
B	Tài chính				
1	Tổng Doanh thu	tr. đồng	1.128.240	1.049.486	93,02%
2	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	38.519	32.015	83,12%
3	Cổ tức	%	12	12 (Kế hoạch trình ĐHĐCĐ)	100%
C	Quỹ Tiền lương Người quản lý				
	Quỹ Tiền lương NQL	tr. đồng	2.592	3.110	120%

Công ty đã thực hiện hoàn thành một số các chỉ tiêu kinh doanh và tài chính theo Nghị quyết số 07/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021 của Đại hội đồng Cổ đông bao gồm các chỉ tiêu : Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch 100%, Tỷ lệ thất thoát nước giảm 1,14% so với tỷ lệ thất thoát nước kế hoạch, Cổ tức năm 2021 dự kiến 12%/Vốn Điều lệ.

Đối với chỉ tiêu Tổng doanh thu và Lợi nhuận sau thuế do chịu tác động ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên thực hiện chưa đạt kế hoạch.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Tình hình Tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021:

1.1 Tình hình Tài chính tại ngày 31/12/2021 của Công ty được tóm tắt như sau :

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
I	Tài sản ngắn hạn	155.178.278.706	222.484.505.307
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	67.787.411.211	127.644.320.566
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.213.583.562	57.213.583.562

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
3	Các khoản phải thu	20.425.526.159	15.539.959.255
4	Hàng tồn kho	12.539.329.071	15.243.593.778
5	Tài sản ngắn hạn khác	7.212.428.703	6.843.048.146
II	Tài sản dài hạn	222.323.592.641	229.736.427.534
A	Tổng Tài sản	377.501.871.347	452.220.932.841
I	Nợ phải trả	199.341.469.615	283.767.124.111
1	Nợ ngắn hạn	155.179.847.176	222.161.113.653
2	Nợ dài hạn	44.161.622.439	61.606.010.458
III	Vốn chủ sở hữu	178.160.401.732	168.453.808.730
1	Vốn góp chủ sở hữu	85.000.000.000	85.000.000.000
2	Quỹ Đầu tư phát triển	36.373.209.808	35.682.252.279
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	56.787.191.924	47.771.556.451
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	25.462.756.451	13.198.687.558
	- LNST chưa phân phối kỳ này	31.324.435.473	34.572.868.893
B	Tổng Nguồn vốn	377.501.871.347	452.220.932.841

1.2 Một chỉ tiêu tài chính cơ bản :

Stt	Chỉ tiêu	đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
1	Cơ cấu Tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	41,11	49,20
	Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	58,89	50,80
2	Cơ cấu Nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	52,81	62,75
	Vốn CHS/Tổng nguồn vốn	%	47,19	37,25
	Nợ phải trả/Vốn CSH	lần	1,12	1,68
	Hệ số bảo toàn vốn	lần	1,01	1,02
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,92	0,93
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,00	1,00
4	Hiệu quả hoạt động			
	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản bình quân	%	7,72	8,57

Stt	Chỉ tiêu	đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,08	3,52
	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	18,47	22,25

Công ty bảo toàn được vốn và hoạt động kinh doanh có lãi.

Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn. Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 1,12 lần, giảm so với Hệ số tại ngày 31/12/2020 là 1,68 lần.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế tính trên Tổng tài sản bình quân, Vốn chủ sở hữu bình quân và doanh thu thuần thực hiện năm 2021 giảm so với năm 2020.

1.3 Kết quả kinh doanh năm 2021 :

Stt	Chỉ tiêu	đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Tỷ lệ TH 2021/KH	Tỷ lệ TH 2021/2020
				Kế hoạch	Thực hiện		
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4) = (3)/(2)	(5) = (3)/(1)
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	1.014.524	1.128.240	1.049.486	93,02%	103,45%
	Trong đó :						
	Doanh thu hoạt động kinh doanh chính		1.014.000	1.126.780	1.041.881	92,47%	102,75%
2	Tổng chi phí	-	970.545	1.081.244	1.009.547	93,37%	104,02%
3	Lợi nhuận trước thuế	-	43.979	46.996	39.938	84,98%	90,81%
	Trong đó :						
	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính		44.501	46.696	34.368	73,6%	77,23%
4	Lợi nhuận sau thuế	-	35.495	38.519	32.015	83,12%	90,20%

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2021 của Công ty có các chỉ tiêu sau :

a) Tổng Doanh thu :

Tổng doanh thu thực hiện 1.049,49 tỷ đồng, đạt 93,02% so với kế hoạch, tăng 3,45% (+34,96 tỷ đồng) so với năm 2020. Trong đó :

- Doanh thu hoạt động kinh doanh chính thực hiện 1.041,88 tỷ đồng, đạt 92,47% so với kế hoạch, tăng 2,75% (+27,88 tỷ đồng) so với năm 2020, gồm :

Doanh thu nước sạch thực hiện 1.034,06 tỷ đồng, đạt 92,39% so với kế hoạch, tăng 3,21% (+32,14 tỷ đồng) so với năm trước. Nguyên nhân do sản lượng tiêu thụ tăng 0,63% so với năm trước và do giá bán nước sạch năm 2021 tăng theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND Thành phố. Giá bán bình quân năm 2021 đạt 96,88% so với kế hoạch. So với năm 2020 tăng 2,56% (+265,18 đồng/m³) từ 10.366,27 đồng/m³ (bình quân năm 2020) lên 10.631,45 đồng/m³ (bình quân năm 2021).

Chỉ tiêu doanh thu và giá bán bình quân chưa đạt kế hoạch năm 2021. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài nên lượng nước tiêu thụ sụt giảm, cộng với nguyên nhân do Công ty thực hiện theo Nghị quyết số 20/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 03/9/2021 giảm 10% tiền nước cho 3 kỳ hóa đơn (từ kỳ 9 đến kỳ 11 năm 2021) cho đối tượng sử dụng nước sinh hoạt theo chủ trương hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch bệnh covid-19 là 20,97 tỷ đồng (Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đã hỗ trợ 70% với giá trị 14,679 tỷ đồng được tính vào giảm đơn giá bán sỉ nước sạch).

Thu nhập khác thực hiện 7,6 tỷ đồng, đạt 520,85% so với kế hoạch, tăng 7,08 tỷ đồng so với năm 2020. Trong đó tăng do phát sinh thu nhập từ tiền bồi thường di dời tuyến ống cấp nước với số tiền 4,99 tỷ đồng, thu nhập từ thanh lý tài sản là 1,48 tỷ đồng.

b) Tổng Chi phí :

Tổng chi phí thực hiện 1.009,55 tỷ đồng, đạt 93,37% so với kế hoạch, tăng 4,02% (+39 tỷ đồng) so với năm 2020. Trong đó :

- Chi phí hoạt động kinh doanh chính thực hiện 1.007,51 tỷ đồng, đạt 93,28% so với kế hoạch, tăng 3,92% (+38,01 tỷ đồng) so với năm 2020, gồm:
 - + Giá vốn hàng bán thực hiện 701,85 tỷ đồng, đạt 90,86% so với kế hoạch, tăng 5,54% (+36,84 tỷ đồng) so với năm 2020, trong đó Giá vốn mua sỉ nước sạch thực hiện 697,87 tỷ đồng, đạt 90,7% so với kế hoạch, tăng 5,42% (+35,89 tỷ đồng) so với năm 2020. Đơn giá mua sỉ tăng 2,18% (+131,46 đồng/m³) từ 6.027,77 đồng/m³ (năm 2020) lên 6.158,98 đồng/m³ (năm 2021, đơn giá này đã bao gồm giá trị do Tổng công ty cùng hỗ trợ với Công ty thực hiện miễn giảm tiền nước khách hàng do dịch bệnh covid-19).
 - + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý thực hiện 301,34 tỷ đồng, đạt 99,39% (-1,84 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 1% (+ 2,98 tỷ đồng) so với năm 2020. Trong đó :
 - Chi phí miễn 100% tiền nước (gồm tiền nước, thuế, phí) cho khách hàng là hộ nghèo, cận nghèo; khu cách ly và BV đã chiến theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT-CNTĐ ngày 03/09/2021 thực hiện chủ trương của Thành phố về chia sẻ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 từ kỳ 7 đến kỳ 12/2021: 16,18 tỷ đồng (Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đã hỗ trợ 2,145 tỷ đồng được tính vào giảm đơn giá bán sỉ nước sạch).
 - Chi phí khấu hao tăng 2,06 tỷ đồng, Chi phí lương nhân viên và các khoản theo lương tăng 2,33 tỷ đồng, Chi phí phòng dịch và hỗ trợ phòng dịch Covid-19 phát sinh 1,83 tỷ đồng, Chi phí thay ĐHN định kỳ tăng 852,67 triệu đồng, ...
 - Một số chi phí giảm so với năm 2020 do thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh nên các chỉ tiêu thực hiện giảm so với kế hoạch như các chi phí sửa bể (vật tư, tái lập mặt đường, chi phí thuê dò bể sửa bể) giảm 1,52 tỷ đồng, Chi phí gắn mới ĐHN miễn phí giảm 3,78 tỷ đồng, Chi phí chống thất thoát nước giảm 8,96 tỷ đồng, ...
 - + Chi phí tài chính thực hiện 4,32 tỷ đồng, đạt 97,18% so với kế hoạch, bằng 70,5% (-1,81 tỷ đồng) so với năm 2020. Đây là chi phí lãi vay vốn để đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước từ năm 2015, 2016. Chi phí lãi vay giảm do số dư nợ vay giảm dần so với năm 2020. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 56.110.311.439 đồng.

- Chi phí khác: 2,03 tỷ đồng, tăng 988 triệu đồng so với năm 2020, trong đó bao gồm chi phí giảm giá trị tài sản còn lại do bồi thường di dời tuyến ống cấp nước.

c) Lợi nhuận trước thuế :

Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 thực hiện 39,94 tỷ đồng, đạt 84,98% (-7,06 tỷ đồng) so với kế hoạch năm, giảm 9,19% (- 4,04 tỷ đồng) so với năm 2020. Trong đó Lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính thực hiện 34,37 tỷ đồng, lợi nhuận khác thực hiện 5,57 tỷ đồng.

d) Thuế Thu nhập doanh nghiệp :

Thực hiện năm 2021 là 7,92 tỷ đồng, đạt 93,46% so với kế hoạch năm 2021.

Công ty áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và Công văn số 2479/CT-TTHT ngày 24/03/2016 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh trả lời cho Công ty CP Cấp Nước Thủ Đức về việc ưu đãi thuế TNDN : Do Công ty thành lập ngày 18/01/2007 và đầu tư vào ngành nghề thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư là Hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp nên thuế suất Thuế TNDN được áp dụng là 10% trong thời gian 13 năm kể từ năm 2009 đến năm 2021, giảm 50% thuế TNDN từ 2009 đến 2017 (9 năm). Năm 2021, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%, thuế suất thuế TNDN 10% cho hoạt động ưu đãi. 10% số thuế ưu đãi còn lại được Công ty đưa vào Quỹ Đầu tư phát triển.

Chi phí tính thuế TNDN không bao gồm chi phí khấu hao tài sản năm 2021 của 12 dự án là 1.050.375.288 đồng (Nguyên giá: 10.503.752.787 đồng, hao mòn lũy kế: 3.428.575.505 đồng).

e) Lợi nhuận sau thuế :

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 thực hiện 32,015 tỷ đồng, đạt 83,12% so với kế hoạch năm 2021, giảm 9,8% (-3,48 tỷ đồng) so với năm 2020.

Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2021: 56.787.191.924 đồng, gồm:

+ Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước : 25.462.756.451 đồng

+ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay : 31.324.435.473 đồng

Năm 2021, dịch bệnh covid-19 đã làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Doanh thu sụt giảm do giảm lượng nước tiêu thụ. Ngoài ra, Công ty thực hiện chủ trương của Thành phố chung tay hỗ trợ nhằm chia sẻ khó khăn cùng người dân và doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch bệnh. Tổng số Công ty đã thực hiện hỗ trợ miễn giảm tiền nước là 35,18 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty cấp nước Sài Gòn đã hỗ trợ chia sẻ với Công ty là 16,82 tỷ đồng giảm trừ vào đơn giá nước mua sỉ.

Nếu loại trừ ảnh hưởng các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến lợi nhuận (bao gồm thu nhập, chi phí liên quan đến công tác bồi thường di dời tuyến ống cấp nước và doanh thu, chi phí hỗ trợ miễn, giảm tiền nước do dịch bệnh covid-19) thì Lợi nhuận trước thuế năm 2021 là 53,66 tỷ đồng, đạt 114,17% so với kế hoạch năm, tăng 22,01% so với năm 2020.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính :

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán theo đúng quy định hiện hành.

Ban kiểm soát thống nhất với nội dung Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Với Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau : “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và Tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

B. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017 - 2022

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT :

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát :

Nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022 được bầu thông qua Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2017, Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2020 và Nghị quyết số 07/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021, gồm có các thành viên :

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Hoàng Thanh Bình	Trưởng Ban kiểm soát	19/04/2017	12/06/2020
2	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	12/06/2020	
3	Hoàng Ngọc Lâm	TV Ban kiểm soát	19/04/2017	
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo	TV Ban kiểm soát	19/04/2017	
5	Lê Văn Diễn	TV Ban kiểm soát	19/04/2017	22/04/2021
6	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	TV Ban kiểm soát	22/04/2021	

2. Các Hoạt động của Ban kiểm soát :

Trong nhiệm kỳ năm 2017 – 2022, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch và triển khai công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật và các nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và Cổ đông.

Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Tham dự các phiên họp Hội đồng quản trị, qua đó nắm bắt thông tin kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

Tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban Kiểm soát theo đúng quy định để soát xét, thảo luận, đánh giá hoạt động của Công ty.

Xây dựng Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tham gia tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để phục vụ tốt công tác.

3. Đánh giá năng lực, hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát :

Với tinh thần trách nhiệm cao, trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã thực hiện tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Ban Kiểm soát luôn giữ mối quan hệ làm việc đầy đủ, thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong giám sát các hoạt động kinh doanh để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng quy định pháp luật và các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các thành viên Ban kiểm soát có năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đánh giá cao về chất lượng cũng như tính kịp thời.

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

Nhìn chung trong nhiệm kỳ 2017 – 2022, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đối với Cổ đông, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của Cổ đông về hoạt động của Công ty, về công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

II. GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ :

Các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong nhiệm kỳ đã được thực hiện triển khai đầy đủ bao gồm :

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức hàng năm đầy đủ cho Cổ đông và đúng hạn theo quy định.
- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và hạch toán chi phí theo đúng quy định.
- Hội đồng quản trị đã chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành.

- Thực hiện các nội dung do ĐHĐCĐ ủy quyền trong việc ký kết các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV bao gồm : Hợp đồng Mua bán sỉ nước sạch trên cơ sở duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty; Hợp đồng Thuê lại mạng lưới cấp nước do Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác; Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.
- Triển khai các biện pháp tối ưu để thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch Tài chính hàng năm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

III. THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Kết quả Hoạt động kinh doanh thực hiện trong nhiệm kỳ :

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã triển khai công tác và kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch tài chính như sau :

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017 ⁽¹⁾	Năm 2018	Năm 2019 ⁽²⁾	Năm 2020	Năm 2021
A. Sản xuất kinh doanh							
1	Lượng nước tiêu thụ	1.000 m ³	74.539	82.360	90.285	96.651	97.264
2	Doanh thu tiền nước	tr.đồng	680.706	751.624	839.851	1.001.918	1.034.059
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100	100	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	16,74	18,92	18,00	12,00	14,16
B. Tài chính							
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	703.596	764.554	854.513	1.014.524	1.049.486
2	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	19.809	14.608	22.394	35.495	32.015
3	Cổ tức	%	9,00	9,50	12,00	12,00	12,00
C. Quỹ tiền lương của Người quản lý (NQL)							
1	Quỹ tiền lương NQL	tr.đồng	3.140	3.110	3.110	3.110	3.110
2	Thù lao NQL (không chuyên trách)	tr.đồng	437	366	504	504	504

Ghi chú :

- (1) : Báo cáo tài chính năm 2017 được điều chỉnh theo Thông báo số 14/TB-KV IV ngày 18/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV, Công ty đã công bố thông tin ngày 18/01/2019. Theo kết quả kiểm toán, Lợi nhuận sau thuế năm 2017 được điều chỉnh tăng 1.088.369.240 đồng.
- (2) : Báo cáo tài chính năm 2019 được điều chỉnh theo Thông báo số 622/TB-KV IV ngày 31/12/2020 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV, Công ty đã công bố thông tin ngày 15/01/2021. Theo kết quả kiểm toán, Lợi nhuận sau thuế năm 2019 được điều chỉnh tăng 2.910.525.625 đồng.

Thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong nhiệm kỳ 2017 – 2022, Công ty đã đạt được kết quả với một số chỉ tiêu có mức tăng trưởng trung bình năm như sau :

- Lượng nước tiêu thụ: tăng bình quân 6,95%/năm
- Doanh thu tiền nước: tăng bình quân 11,17%/năm
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch: đảm bảo duy trì tỷ lệ 100%.
- Tỷ lệ thất thoát nước: có tỷ lệ thực hiện chưa ổn định.
- Tổng doanh thu: tăng bình quân 10,65%/năm
- Lợi nhuận sau thuế: tăng bình quân 18,96%/năm
- Cổ tức: Thực hiện chi trả cổ tức ổn định, đúng kế hoạch.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính :

Trong nhiệm kỳ, các Báo cáo tài chính năm của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng quy định hiện hành.

Ban kiểm soát thống nhất với nội dung các Báo cáo tài chính năm của Công ty đã được kiểm toán bởi các đơn vị kiểm toán độc lập do Hội đồng Quản trị lựa chọn.

Các Báo cáo tài chính năm 2017, năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC có ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán về việc Công ty đang tạm tính đơn giá mua sỉ nước sạch cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12 do Hội đồng Quản trị chưa thông qua đơn giá mua sỉ nước sạch các năm 2017, 2018 và 2019. Công ty đã có Thư giải trình Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo đúng quy định. Và nội dung này đã được Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 26/02/2021 thống nhất đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ năm 2017 đến năm 2020.

II. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC TRONG NHIỆM KỲ 2017 – 2022

1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của Ban giám đốc.

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của Công ty phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông đúng theo quy định và đã tiến hành 44 phiên họp thường kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo hoạt động của Công ty và đã ban hành các Nghị quyết phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty có nội dung liên quan đến chủ trương thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác tổ chức nhân sự, công tác quản lý và điều hành

Công ty theo định hướng hoạt động, vừa thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm vừa nhằm củng cố và phát triển hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện ban hành các Nghị quyết theo quy định trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 07/NĐ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021 bao gồm các Quy chế có giá trị thực hiện đến nay gồm : Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế Công bố thông tin của Công ty.

Thực hiện Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 22/4/2021 và Quyết định số 10/QĐ-CNTĐ-HĐQT ngày 22/4/2021 thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ; Nhân sự Kiểm toán nội bộ theo Quyết định số 11/QĐ-CNTĐ-HĐQT ngày 22/4/2021; Quyết định số 12, 13/QĐ-CNTĐ-HĐQT ngày 22/4/2021 ban hành Quy chế và Quy trình Kiểm toán nội bộ; và phê duyệt Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2021 theo Quyết định số 17/QĐ-CNTĐ-HĐQT ngày 02/8/2021.

Trên cơ sở các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đã được Ban giám đốc triển khai thực hiện theo nhiệm vụ, chủ động sáng tạo và linh hoạt trong điều hành hoạt động, phấn đấu hoàn thành và vượt mức một số chỉ tiêu quan trọng. Tuy nhiên do ảnh hưởng của yếu tố khách quan, đặc biệt là tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 đã gây tác động ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc năm 2021, tổng kết nhiệm kỳ 2017-2022 về hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc :

Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng quản trị về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát; phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.

Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh, có sự độc lập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

V. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ :

Năm 2021 trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng Tập thể Người lao động của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã nghiêm túc thực hiện đảm bảo “mục tiêu kép” vừa chống dịch, vừa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh; chung tay hỗ trợ nhằm chia sẻ khó khăn cùng người dân và doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch bệnh; phấn đấu thực hiện hoàn thành một số các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng Cổ đông đề ra với tinh thần tích cực, năng động, sáng tạo, vượt khó vươn lên các tác động do ảnh hưởng của đại dịch; quản lý sử dụng bảo toàn vốn và

hoạt động kinh doanh có lãi; công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định về tình hình hoạt động, tài chính của Công ty; mang lại giá trị thiết thực cho Cổ đông và hoàn thành mục tiêu cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, góp phần đảm bảo an sinh xã hội của Thành phố.

Trên tinh thần đó, kính đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tiếp tục phát huy sức mạnh nhằm hoàn thành các mục tiêu, chiến lược kinh doanh được Đại Hội đồng cổ đông thông qua trong nhiệm kỳ mới từ năm 2022 đến năm 2027.

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động; đảm bảo lành mạnh về tài chính, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong công tác quản lý, điều hành bao gồm các nhóm giải pháp như sau :

1. Đẩy mạnh cải cách hành chính :

- Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị, quản lý điều hành kinh doanh.
- Nâng cao công tác quản trị nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy.
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát xây dựng, điều chỉnh và áp dụng có hiệu lực, hiệu quả các quy định, quy trình trình đặc biệt là trong công tác mua sắm; đầu tư xây dựng; sửa chữa tài sản, máy móc thiết bị, nhà xưởng, ... đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên thông nhằm thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
- Xây dựng công cụ kiểm soát hữu hiệu, phát huy Hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý những hạn chế, rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; lập và trình bày Báo cáo Tài chính.

2. Đảm bảo, nâng cao hiệu quả hoạt động :

- Không ngừng phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu phát triển khu vực; giữ vững thị phần ở những địa bàn giáp ranh.
- Tăng cường công tác quản lý thu hồi công nợ, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường công tác xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kiểm soát hiệu quả, giảm tỷ lệ thất thoát nước bền vững.
- Triển khai thực hiện nội dung kiến nghị tại Thông báo số 662/TB-KV IV ngày 31/12/2020 của Kiểm toán Nhà nước theo đúng quy định.
- Tăng cường quản lý thực hiện công tác mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản đúng quy định pháp luật; đảm bảo hiệu quả vốn sử dụng.
- Quản lý sử dụng vốn hiệu quả, thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ NĂM 2022 – 2027 :

Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế Quản trị Công ty, Ban kiểm soát lập kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ năm 2022 - 2027 như sau :

- Thường xuyên giám sát việc chấp hành tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp quan trọng của Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định.
- Tổ chức kiểm tra định kỳ, thẩm định các Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của; Báo cáo Tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Thực hiện chương trình kiểm tra theo chuyên đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty và đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Cổ đông (nếu có).
- Tham gia tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để phục vụ tốt công tác.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2021, tổng kết nhiệm kỳ 2017 - 2022 và Kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2022 - 2027. Ban kiểm soát trân trọng báo cáo kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Thay mặt cho Ban kiểm soát Công ty, Tôi xin trân trọng cảm ơn đến các Quý vị Cổ đông, Quý vị Đại biểu, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tin tưởng, ủng hộ và hỗ trợ cho Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ trong nhiệm kỳ qua.

Với sự quyết tâm, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc cùng toàn thể CBCNV, tin tưởng Công ty sẽ thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông giao và Công ty phát triển ngày càng bền vững.

Kính chúc Quý vị Cổ đông, Quý vị Đại biểu luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận :

- Như trên ;
- HĐQT, BGD Công ty;
- Lưu : BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

PHẦN III | BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Kết quả thực hiện:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	m ³	102.000.000	97.264.170	95,36%
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.119.280	1.034.059	92,39%
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100%
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	15,30	14,16	thấp hơn 1,14% so kế hoạch

2. Đánh giá kết quả thực hiện

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và phục vụ xã hội.

Năm 2021, do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành nhiều đợt giãn cách xã hội làm ảnh hưởng sản lượng, doanh thu của Công ty.

Ngoài ra, đồng hành cùng Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn trong việc chia sẻ khó khăn với Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã kịp thời cung cấp nước sạch miễn phí cho bệnh viện điều trị bệnh nhân mắc Covid-19 và các khu cách ly tập trung trên địa bàn Thành phố Thủ Đức. Đồng thời, miễn giảm tiền nước sinh hoạt cho người dân và giãn nợ tiền nước cho doanh nghiệp trên địa bàn phục vụ gồm: Thành phố Thủ Đức và các phường thuộc Thành phố Dĩ An – Tỉnh Bình Dương (Bình An, Đông Hòa, Bình Thắng, An Bình).

Đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

a) Sản lượng nước cung cấp:

Nhiệm vụ cung cấp nước an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn quản lý góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của công ty. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ năm 2021 đạt 97.264.170 m³, bằng 100,63% so với năm 2020 và bằng 95,36% so với kế hoạch năm 2021.

Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 bùng phát trên diện rộng và kéo dài trên khắp địa bàn Thành phố Thủ Đức. Thực hiện theo Chỉ thị số 12-CT/TU và Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện giãn cách xã hội trên toàn địa bàn Thành phố, các hoạt động của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, nhà hàng khách sạn và các trung tâm thương mại giải trí ... phải ngừng hoạt động từ 31/5/2021

đến hết ngày 30/9/2021 dẫn đến lượng nước tiêu thụ giảm mạnh, hoạt động của công ty gặp rất nhiều khó khăn.

Bằng nhiều giải pháp, nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, cải tiến trong công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công, tăng cường kiểm tra hạ cở, thay thế các đồng hồ nước cũ, chạy bắt thường đo đếm không chính xác, thay định kỳ các đồng hồ đến hạn, kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát nước trên địa bàn. Bên cạnh đó, việc điều tiết áp lực cho các khu vực đã có mạng lưới cấp nước nhưng áp lực yếu đảm bảo đáp ứng nhu cầu người dân. Sản lượng nước tiêu thụ trung bình trong năm 2021 đạt 8,14 triệu m³/tháng.

Kết quả đạt được như trên đã phản ánh tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc của tập thể cán bộ, công nhân lao động toàn Công ty.

b) Doanh thu tiền nước:

Năm 2021, doanh thu tiền nước đạt 1.034 tỷ đồng bằng 103,21% so với năm 2020 và đạt 92,39% so với kế hoạch năm 2021.

Nhằm chia sẻ khó khăn với người dân, và doanh nghiệp trước tình hình dịch Covid-19, Công ty đã thực hiện giảm tiền sử dụng nước sinh hoạt cho người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch bệnh trên địa bàn kéo dài trong 3 tháng từ tháng 7 đến tháng 9, cũng như không thu phí tiền nước đối với các khu cách ly tập trung phòng chống dịch. Do đó việc thực hiện chỉ tiêu doanh thu tiền nước theo kế hoạch năm sụt giảm vào những tháng cuối năm.

Công tác rà soát, kiểm tra lượng nước tiêu thụ, đối tượng sử dụng của khách hàng cũng được chú trọng thực hiện. Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giá biểu, định mức, đúng với thực tế cùng với quyết định ban hành giá nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố của UBND thành phố Hồ Chí Minh số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019; Song song đó để hưởng ứng cuộc vận động của thành phố chung tay hỗ trợ công nhân, sinh viên ở trọ giảm bớt phần nào khó khăn trong cuộc sống, năm 2021 đã thực hiện cấp định mức cho 10.802 hộ, với tổng số nhân khẩu được cấp định mức là 245.854 người.

Thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ. Việc mở rộng các kênh thanh toán đã tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền của đơn vị.

c) Chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch:

Với nhiệm vụ cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố Thủ Đức nhận thấy đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Đứng trước nhiệm vụ được giao, Công ty đã quyết liệt trong việc triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp. Thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước, tập trung thi công hoàn tất, nhanh chóng đưa vào sử dụng, ưu tiên cho công tác gắn đồng hồ nước để người dân có nước sạch sử dụng. Ở những khu vực chưa thể phát triển mạng lưới cấp nước, Công ty đã có nhiều giải pháp đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục như lắp đặt các bồn chứa nước để cung cấp nước sạch hoặc gắn đồng hồ tổng.

Với sự quyết tâm, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều biện pháp của lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân lao động, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công ty luôn tích cực phối hợp với chính quyền địa phương, thực hiện phong trào hướng đến anh, chị, em công nhân, sinh viên là người nhập cư hiện đang tạm trú trên địa bàn quản lý, kêu gọi, vận động chủ nhà trọ đăng ký định mức nước nhằm giảm bớt gánh nặng cho người nhập cư hiện tạm trú trong khu vực.

d) Công tác giảm nước thất thoát thất thu:

Trong năm 2021 Công ty thực hiện mua bán sỉ qua đồng hồ tổng với sản lượng 113.309.075m³. Lượng nước thất thoát thất thu toàn công ty là 16.039.081 m³ chiếm 14,16 %.

Với sự nỗ lực và quyết tâm thực hiện giảm nước thất thoát thất thu của Công ty đã giúp giảm tỷ lệ thất thoát nước dưới 15,30% hoàn thành nhiệm vụ giảm thất thoát nước kế hoạch năm. Một số điểm nổi bật trong công tác giảm thất thoát nước:

- Tăng cường tỉ lệ dò bể ngầm từ 18% đến 26,9%, giải quyết được các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro mạng lưới giảm mạnh tỉ lệ thất thoát nước cơ học.
- Nghiên cứu và triển khai ứng dụng xe ứng phó sự cố tăng cường tính chủ động trong công tác sửa bể, rút ngắn thời gian sửa bể cũng như cải thiện tình trạng khó khăn trong việc vận chuyển vật tư ra hiện trường một cách nhanh chóng.
- Đẩy mạnh công tác quản lý mạng lưới, ứng dụng khoa học kỹ thuật, triển khai GIS và cập nhật hoàn chỉnh hệ thống đường ống mạng lưới cấp nước.

3. Những tiến bộ đã đạt được

- Hoàn thành tốt chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh.
- Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong công tác giảm nước thất thoát.
- Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ, Công ty đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và phục vụ xã hội.
- Không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn.
- Doanh thu các năm sau đều tăng so với năm trước.
- Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu.
- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng yêu cầu của khách hàng...

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, BCTC 2021 ĐÃ KIỂM TOÁN

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, các chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

1. Kết quả thực hiện

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
	A. Kết quả tài chính		
1	Tổng giá trị tài sản	377.501.871.347	452.220.932.841
2	Doanh thu thuần	1.039.484.537.148	1.008.181.942.369
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.367.607.764	44.500.692.015
4	Lợi nhuận khác	5.570.765.079	(522.014.083)
5	Lợi nhuận trước thuế	39.938.372.843	43.978.677.932
6	Lợi nhuận sau thuế	32.015.393.002	35.495.289.034
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.767	2.751
	B. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý		
1	Quỹ lương NQL	3.110.400.000	3.110.400.000
2	Thù lao HĐQT/BKS (không chuyên trách)	504.000.000	504.000.000

2. Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2021

Stt	Nội dung	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	TÀI SẢN		
A	Tài sản ngắn hạn	155.178.278.706	222.484.505.307
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	67.787.411.211	127.644.320.566
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.213.583.562	57.213.583.562
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	20.425.526.159	15.539.959.255
4	Hàng tồn kho	12.539.329.071	15.243.593.778
5	Tài sản ngắn hạn khác	7.212.428.703	6.843.048.146
B	Tài sản dài hạn	222.323.592.641	229.736.427.534
1	Tài sản cố định	208.378.327.763	216.543.520.301
2	Tài sản dở dang dài hạn	5.930.406.162	9.689.562.803
3	Tài sản dài hạn khác	7.646.858.716	3.503.344.430
	Tổng cộng tài sản	377.501.871.347	452.220.932.841

Stt	Nội dung	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	NGUỒN VỐN		
A	Nợ phải trả	199.341.469.615	283.767.124.111
1	Nợ ngắn hạn	155.179.847.176	222.161.113.653
2	Nợ dài hạn	44.161.622.439	61.606.010.458
B	Vốn chủ sở hữu	178.160.401.732	168.453.808.730
C	Tổng nguồn vốn	377.501.871.347	452.220.932.841

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
1	Khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,00	1,00
	Tài sản ngắn hạn	155.178.278.706	222.484.505.307
	Hệ số thanh toán nhanh	0,92	0,93
	Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho	142.638.949.635	207.240.911.529
	Nợ ngắn hạn	155.179.847.176	222.161.113.653
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	52,81%	62,75%
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,12	1,68
3	Năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	50,52	43,88
	Giá vốn hàng bán	701.847.931.300	665.003.856.935
	Vòng quay tổng tài sản	2,51	2,43
	Doanh thu thuần	1.039.484.537.148	1.008.181.942.369
4	Khả năng sinh lời		
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,08%	3,52%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	18,47%	22,25%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,72%	8,57%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,29%	4,41%

4. Ý kiến của Kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2021:

Trích Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức năm 2021.

▪ Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

▪ Nội dung Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán.

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC được công bố tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty. www.capnuocthuduc.vn

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hùng

PHẦN IV | ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022

a) Mục tiêu:

- Gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.
- Bảo toàn, sử dụng hiệu quả đồng vốn của Công ty.
- Duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo và nâng cao thu nhập, chăm lo đời sống tinh thần của CBCNV.
- Đảm bảo chất lượng nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.
- Tỷ lệ nước thất thoát thất thu: 14,70%.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật.

b) Nhiệm vụ chủ yếu:

- Phát triển mạng lưới cấp nước trên khu vực.
- Phát triển khách hàng sử dụng nước.
- Tiếp tục mở rộng thực hiện phân vùng tách mạng các đồng hồ tổng cho công tác giảm thất thoát nước thất thu.
- Giữ vững tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.
- Giảm tỷ lệ thất thoát nước.

2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2022
A	Sản xuất kinh doanh		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	102.600.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.178.774
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,70
B	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.188.776
2	Tổng chi phí	tr.đồng	1.146.572
3	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	42.204
4	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	33.763

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2022
5	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	18,35
6	Cổ tức	%	12,00
C	Quỹ tiền lương Người quản lý		
1	Quỹ tiền lương	tr.đồng	2.592
2	Thù lao HĐQT/BKS (không chuyên trách)	tr.đồng	504

3. Biện pháp thực hiện:

a) Công tác điều hành và tổ chức:

- Cải tiến quy trình giải quyết công việc giữa các phòng, ban, đội; tiếp tục xây dựng hoàn thiện và thực hiện quy trình giải quyết các dịch vụ khách hàng “một cửa một dấu”, tránh phiền hà cho người dân, nâng cao trách nhiệm và tinh thần phục vụ của bộ phận dịch vụ khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện phương án khoán lương cho các phòng, ban, đội.
- Thực hiện tiếp khách hàng lịch sự, văn minh nơi công sở. Triển khai đến từng CBCNLD tiêu chuẩn người công nhân cấp nước.
- Rà soát, xây dựng lại các quy định, quy trình xử lý nợ tiền nước, gian lận, sử dụng nước bất hợp pháp... để giải quyết công việc một cách nhanh chóng, công bằng, khách quan, tránh tình trạng tiêu cực, móc nối với khách hàng.
- Đánh giá, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ công nhân lao động làm cơ sở cho việc định hướng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của đơn vị.
- Công ty tiếp tục duy trì trang Web với địa chỉ truy cập là <http://capnuoethuduc.vn> tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể tra cứu thông tin, trao đổi về các dịch vụ cung cấp của Công ty.

b) Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng :

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện mô hình “chăm sóc khách hàng” rút ngắn thời gian giải quyết các yêu cầu của khách hàng.
- Tuyên truyền giáo dục cán bộ công nhân viên nêu cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, phục vụ khách hàng.
- Xây dựng quy trình một cách khoa học trong việc giải quyết yêu cầu, đề nghị của khách hàng, tuyệt đối tránh để tồn đọng hồ sơ. Từng phòng, ban, đội xây dựng quy trình làm việc, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.
- Đẩy nhanh quy trình gắn đồng hồ nước, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy trình phối hợp thực hiện công tác lắp đặt đồng hồ nước cho khách hàng.
- Phối hợp cùng chính quyền địa phương giải quyết nhanh chóng các yêu cầu về cấp nước của nhân dân.

c) Tăng sản lượng nước tiêu thụ:

Năm 2022, Công ty tiếp tục nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc thực hiện chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ. Cụ thể:

- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, tiếp tục triển khai công tác chống gian lận nước. Triệt để giải quyết các hóa đơn bằng không; hóa đơn tính trung bình nhiều kỳ. Bộ phận đọc chỉ số đồng hồ nước phải có biện pháp để tiếp cận đồng hồ nước.
- Đẩy nhanh công tác phát triển mạng lưới, gắn mới đồng hồ nước cho khách hàng giảm thiểu các giải pháp cấp nước tạm thời bằng xe bồn, cấp nước qua đồng hồ tổng.
- Tăng cường công tác kiểm tra các đồng hồ nước có chỉ số tiêu thụ bất thường.

d) Nâng cao chất lượng mạng lưới cấp nước:

- Tăng cường công tác giám sát thi công, giám sát tái lập mặt đường các công trình phát triển và cải tạo ống mục trên địa bàn quản lý, nhằm đảm bảo công trình thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt. Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý, giám sát các hạng mục khuất lấp, các điểm đầu nối, phối hợp tốt với chính quyền và nhân dân tăng cường công tác giám sát cộng đồng.
- Giám sát chặt chẽ công tác vệ sinh đường ống trong quá trình thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước.
- Tăng cường công tác kiểm tra và bảo trì các trụ cứu hỏa, họng coi van, ổ khóa trên địa bàn.
- Tăng cường công tác quản lý lý lịch đồng hồ nước, tiến hành thay định kỳ đối với các đồng hồ nước đến hạn thay thế.
- Tập trung thay đồng hồ nước hư, ngưng chạy, chạy bất thường và chạy lết.

đ) Chống thất thoát nước:

- Xây dựng Quy chế phối hợp giảm nước thất thoát trên các DMA, quy tắc đặt mã DMA.
- Cập nhật hoàn tất kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước thông minh giai đoạn 2021-2030. Tiến hành các thủ tục liên quan, triển khai thí điểm DMA thông minh năm 2022: quan trắc chất lượng nước, van giám áp điều khiển từ xa, đồng hồ nước thông minh.
- Đẩy mạnh công tác dò tìm rò rỉ, chủ động phân loại điểm bể ngầm theo thứ tự ưu tiên sửa chữa, lên kế hoạch tiền định vị và thử nghiệm các thiết bị mới.
- Tập trung đẩy mạnh công tác cải tạo ống mục có chọn lọc song song công tác phát triển mạng lưới cấp nước, chú trọng thực hiện tại các DMA đang nhân rộng giảm nước thất thoát thất thu.
- Tăng cường quản lý, điều tiết áp lực đặc biệt tại các khu vực có áp lực cao; Tiếp tục hoàn chỉnh bản đồ áp lực và mô hình áp lực; Thực hiện vận hành mạng vòng như mạng cắt tại các khu vực đang tìm kiếm tỷ lệ thất thoát nước.
- Tăng cường công tác rà soát, đánh giá dữ liệu bể nhằm lựa chọn các khu vực cần cải tạo, các tuyến ống cũ, mục, ống nằm quá sâu, ... gây nguy cơ xì bể cao và khó khăn cho công tác dò tìm rò rỉ.

e) Công tác kiểm tra:

Chủ động kiểm tra rà soát sản lượng, giá biểu, định mức ngay từ khâu nhận hồ sơ khách hàng đến khâu hoàn công... Bám chỉ toàn bộ đồng hồ nước trên địa bàn quản lý; kiểm tra tình trạng sử dụng nước của khách hàng, tình trạng gian lận nước để xử lý kịp thời trên diện rộng, đồng thời kết hợp với chính quyền địa phương và quần chúng nhân dân phát hiện gian lận nước, áp dụng quy chế thưởng hợp lý cho người có công phát hiện gian lận.

g) Phát triển mạng cấp nước, SCOM, gắn và thay đồng hồ nước khách hàng :

- Chủ động cân đối nguồn vốn thực hiện dự án phát triển mạng lưới cấp nước; Đảm bảo giải quyết 100% các hộ dân được gắn đồng hồ nước ở các khu vực đã có mạng lưới cấp nước.
- Tập trung làm tốt và làm nhanh hồ sơ dự án ở khâu chuẩn bị đầu tư như (báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo khảo sát thiết kế, lập dự toán thi công...) để chuyển nhanh sang bước thực hiện đầu tư.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa các Phòng, Ban, Đội liên quan để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án.
- Chủ động mua sắm vật tư, trang thiết bị ngay trong quý I để có cơ sở hoàn thành kế hoạch.
- Tăng cường công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng vật tư trước khi thi công, công tác hậu kiểm để đảm bảo chất lượng thi công công trình.
- Thống kê các khu vực đường ống có tuổi thọ lâu năm, xì bể nhiều lần để đưa vào kế hoạch cải tạo, thay mới.

h) Công tác quản lý tài chính, quản lý vật tư tài sản, máy móc thiết bị :

- Tổ chức thực hiện quy trình quản lý tài chính, vật tư theo đúng quy định.
- Triển khai kịp thời công tác đấu thầu dự án mua sắm vật tư theo đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, lựa chọn nhà thầu có năng lực.
- Cân đối sử dụng hợp lý và quản lý chặt chẽ nguồn vốn.
- Thực hiện chế độ Báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.

k) Chống lãng phí và thực hành tiết kiệm:

Thực hiện chủ trương của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần ổn định hoạt động của đơn vị, công tác chống lãng phí là rất thiết thực và cấp bách, đòi hỏi mỗi cán bộ công nhân lao động phải nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, đây cũng là tiêu chí hàng đầu mà đơn vị đặt ra ngang tầm với chiến lược kinh doanh của đơn vị, các nội dung chính cần thực hành tiết kiệm là:

- Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng tài sản.
- Thực hiện nghiêm chỉnh quy chế tự kiểm tra, công khai dân chủ.
- Tiết kiệm trong lĩnh vực cải cách hành chính, điện thoại, điện, nước.

- Tiết kiệm trong quản lý đầu tư, mua sắm và sử dụng vật tư, máy móc thiết bị.
- Phát hiện và xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cán bộ công nhân lao động.

l) Công tác thi đua, đời sống:

- Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng chủ động phối hợp phát động phong trào thi đua hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, đồng thời hưởng ứng các đợt thi đua do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức phát động.
- Duy trì các hoạt động thực hiện nếp sống văn minh đô thị, văn minh trong công sở, chống ô nhiễm môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc.
- Thông qua phong trào thi đua, phát hiện các nhân tố tích cực để đào tạo bồi dưỡng giới thiệu cho các Chi bộ.
- Cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân lao động.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hùng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức kính trình và xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán và Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021.

a) Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	377.501.871.347
2	Doanh thu thuần	đồng	1.039.484.537.148
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	đồng	34.367.607.764
4	Lợi nhuận khác	đồng	5.570.765.079
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	39.938.372.843
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	32.015.393.002
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	3.767

b) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích / LNPP (%)	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		31.324.435.473
2	Chia cổ tức (12,00% vốn điều lệ)	32,56	10.200.000.000
3	Trích lập các quỹ		
3.1	Đầu tư phát triển :		690.957.529
	Từ miễn giảm thuế		690.957.529
	Trích từ lợi nhuận phân phối		-
3.2	Khen thưởng – Phúc lợi xã hội	36,98	11.583.650.000
3.3	Khen thưởng Người quản lý	1,24	388.800.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này	29,22	9.151.985.473

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích / LNPP (%)	Số tiền (đồng)
5	LN chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		25.462.756.451
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối		31.324.435.473

c) Chi trả cổ tức năm 2021:

- Tỷ lệ cổ tức: 12,00% (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng).
- Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền: 12/5/2022.
- Thời gian thanh toán: Từ ngày 26/5/2022.
- Hình thức thanh toán: Bằng tiền

2. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2021; Kế hoạch thù lao năm 2022.

a) Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý năm 2021: 3.110.400.000 đồng.

b) Thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2021: 504.000.000 đồng.

c) Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS và Người phụ trách quản trị (kiêm thư ký) năm 2022:

- Thành viên HĐQT (không chuyên trách): 6.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS (không chuyên trách): 4.000.000 đồng/người/tháng
- Người phụ trách quản trị (kiêm Thư ký công ty): 5.000.000 đồng/tháng.

Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại công ty.

3. Kế hoạch SXKD, Kế hoạch tài chính và quỹ tiền lương của NQL năm 2022

a) Chỉ tiêu kế hoạch:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2022
A	Sản xuất kinh doanh		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	102.600.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.178.774
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,70
B	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.188.776
2	Tổng chi phí	tr.đồng	1.146.572
3	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	42.204
4	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	33.763
5	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	18,35

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2022
6	Cổ tức	%	12,00
C	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr.đồng	2.592

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch theo tình hình thực tế tại đơn vị.

4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

a) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 dựa trên đề xuất của Ban kiểm soát.

b) Giám đốc công ty ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2022.

5. Thông qua việc ký kết các Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn.

5.1. Hợp đồng giao dịch năm 2021

a) Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch

- Bản thỏa thuận và các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2021 đơn giá tạm tính 6.389,44 đồng/m³; với giá trị 760.180.612.978 đồng.
- Bản thỏa thuận về đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) năm 2021 với đơn giá mua bán sỉ nước sạch thực hiện năm 2021: 6.307,46 đồng/m³ và đơn giá điều chỉnh sau khi Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn chia sẻ tiền nước miễn, giảm do dịch bệnh Covid-19 là 6.158,98 đồng/m³;
- Phụ lục Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch về việc điều chỉnh giảm đơn giá mua bán sỉ từ kỳ 1 đến kỳ 12 năm 2021 từ 6.389,44 đồng/m³ thành 6.158,98 đồng/m³, giá trị điều chỉnh giảm 27.418.869.894 đồng.

b) Hợp đồng thuê tài sản : Hợp đồng số 2976/HĐ-TCT-KTTC ngày 14/6/2021 và phụ lục số 6275/PLHĐ-TCT-KTTC ngày 31/12/2021. Giá trị hợp đồng thuê tài sản năm 2021 là 12.108.799.772 đồng.

c) Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước: Hợp đồng 5200/HĐ-TCT-KHĐT ngày 16/11/2021, giá trị hợp đồng 3.562.388.500 đồng.

5.2 Hợp đồng giao dịch năm 2022.

Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn và giao Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định giá mua bán sỉ nước sạch năm 2022 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

Giám đốc công ty ký Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị về đơn giá mua bán sỉ.

b) Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước do Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác sau khi đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

c) Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các giao dịch trên trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

6. Tạm ứng cổ tức năm 2022.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2022 khi xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh

Trên cơ sở tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, đồng thời với mục tiêu xây dựng Điều lệ ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, xem xét đề xuất sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ gồm:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4.

(i) Bổ sung các ngành nghề sau:

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh bổ sung	Mã ngành
1	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy sản))	4322
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4663
4	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.	7730
5	Xây dựng nhà để ở	4101
6	Xây dựng nhà không để ở	4102
7	Xây dựng công trình đường sắt	4211
8	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9	Xây dựng công trình điện	4221
10	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
12	Xây dựng công trình công ích khác	4229

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh bổ sung	Mã ngành
13	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
15	Phá dỡ	4311
16	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy xây dựng.	4659
19	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
20	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở)	1104
21	Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở	68101
22	Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở	68103
23	Bán buôn đồ uống	4633
24	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
25	Cho thuê xe có động cơ	7710
26	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

(ii) Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh:

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng)	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Lập dự án đầu tư công trình xây dựng. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn đấu thầu. Khảo sát địa hình công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông đường bộ; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Lập dự toán và tổng dự toán các công trình. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải.

b) Sửa đổi, bổ sung các điều khoản khác

Điều/ khoản	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung
20	Điều 20 không quy định	<p>Bổ sung các nội dung sau:</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>
34.1	1. Người điều hành Công ty là Giám đốc và người điều hành khác theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (nếu có), Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.	1. Người điều hành Công ty là Giám đốc và người điều hành khác theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (nếu có). <i>Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT</i> , Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định....
53.2	2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).	<p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) như sau:</p> <p>a) Số lượng: 01 con dấu chính thức</p> <p>b) Hình thức: dấu tròn, màu đỏ</p> <p>c) Nội dung: bao gồm tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính (chỉ ghi cấp quận/huyện/thành phố trực thuộc và Thành phố Hồ Chí Minh. Chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp; vành dấu có mã số doanh nghiệp và địa chỉ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.</p> <p>d) Con dấu được lưu trữ tại trụ sở chính của công ty.</p>

c. Về sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh

Trong phạm vi ngành nghề đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Giám đốc công ty – Người đại diện theo pháp luật tiến hành các thủ tục có liên quan đến việc bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ký bởi: Nguyễn Tổng
Đăng Khoa
Chức vụ: Chủ tịch hội
đồng quản trị
Ký ngày: 04.04.2022
09:35:41

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

TỜ TRÌNH**Về việc bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Nhiệm kỳ 2022 -2027**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ kết thúc nhiệm kỳ 2017 – 2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Để đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

- 1) Tiến hành bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022- 2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- 2) Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027: 06 thành viên (trong đó số lượng thành viên độc lập là 02 thành viên).
- 3) Bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027: 04 thành viên.
- 4) Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị /thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Ban kiểm soát và phương thức bầu cử thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 5) Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đính kèm.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH**

Ký bởi: Nguyễn Tổng
Đăng Khoa
Chức vụ: Chủ tịch hội
đồng quản trị
Ký ngày: 04.04.2022
09:36:01

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

QUY CHẾ

BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tiến hành theo những quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/3/2022 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp).

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị được quy định như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây.

Ngoài tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 4. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

1. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

Quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới

65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

1.2. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 5. Hồ sơ ứng cử , đề cử Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

1. Hồ sơ ứng cử.

- Đơn xin đề cử, ứng cử (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu, có dán ảnh).
- Bản sao có công chứng CMND/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ.
- Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

2. Danh sách ứng cử.

a) Danh sách ứng viên được sắp xếp theo thứ tự A,B,C theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

b) Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty www.capnuocthucduc.vn để cổ đông có thể tìm hiểu trước khi bỏ phiếu.

Điều 6. Phương thức bầu cử

a) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b) Trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử:

a) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

b) Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

a) Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỷ lệ phiếu biểu quyết cho từng ứng viên, danh sách trúng cử;

b) Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Chủ tọa công bố trước Đại hội.

Điều 9. Khiếu nại và xử lý khiếu nại.

a) Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội.

b) Quy chế này gồm 8 Điều và có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ký bởi: Nguyễn Tổng
Đăng Khoa
Chức vụ: Chủ tịch hội
đồng quản trị
Ký ngày: 04.04.2022
09:36:25

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

PHẦN VII | DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ngày 26/4/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo công tác quản trị năm 2021 và Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2017-2022 của Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo hoạt động năm 2021 và Báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2017-2022 của Ban kiểm soát.
3. Báo cáo của Ban giám đốc về Kết quả hoạt động năm 2021, một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	m ³	102.000.000	97.264.170	95,36%
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.119.280	1.034.059	92,39%
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100%
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	15,30	14,16	Thấp hơn 1,14% so kế hoạch

4. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	377.501.871.347

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2021
2	Doanh thu thuần	đồng	1.039.484.537.148
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	đồng	34.367.607.764
4	Lợi nhuận khác	đồng	5.570.765.079
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	39.938.372.843
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	32.015.393.002
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	3.767

5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

5.1. Phân phối lợi nhuận năm 2021

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích / LNPP (%)	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận phân phối năm nay		31.324.435.473
2	Chia cổ tức (12,00% vốn điều lệ)	32,56	10.200.000.000
3	Trích lập các quỹ		
3.1	Đầu tư phát triển :		690.957.529
	Từ miễn giảm thuế		690.957.529
	Trích từ lợi nhuận phân phối		-
3.2	Khen thưởng – Phúc lợi xã hội	36,98	11.583.650.000
3.3	Khen thưởng Người quản lý	1,24	388.800.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này	29,22	9.151.985.473
5	LN chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		25.462.756.451
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối		31.324.435.473

5.2 Chi trả cổ tức năm 2021

- Tỷ lệ cổ tức: 12,00% (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng).
- Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền: 12/5/2022.
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 26/5/2022.
- Hình thức thanh toán: Bằng tiền

6. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2021; Kế hoạch thù lao năm 2022.

a) Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý năm 2021: 3.110.400.000 đồng.

b) Thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2021: 504.000.000 đồng.

c) Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS và Người phụ trách quản trị (kiêm thư ký) năm 2022:

- Thành viên HĐQT (không chuyên trách): 6.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS (không chuyên trách): 4.000.000 đồng/người/tháng

- Người phụ trách quản trị công ty (kiêm Thư ký công ty): 5.000.000 đồng/người/tháng. Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại công ty.

7. Kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính và Quỹ lương Người quản lý năm 2022.

a) Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2022
A	Sản xuất kinh doanh		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	102.600.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.178.774
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,70
B	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.188.776
2	Tổng chi phí	tr.đồng	1.146.572
3	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	42.204
4	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	33.763
5	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	18,35
6	Cổ tức	%	12,00
C	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr.đồng	2.592

- b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch theo tình hình thực tế tại đơn vị.

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

- a) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 dựa trên đề xuất của Ban kiểm soát.

- b) Giám đốc công ty ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2022.

9. Thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên gồm các hợp đồng sau:

9.1. Hợp đồng giao dịch năm 2021

a) Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch

- Bản thỏa thuận và các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2021 đơn giá tạm tính 6.389,44 đồng/m³; với giá trị 760.180.612.978 đồng.
- Bản thỏa thuận về đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (qua đồng hồ tổng) năm 2021 với đơn giá mua bán sỉ nước sạch thực hiện năm 2021: 6.307,46 đồng/m³ và đơn

giá điều chỉnh sau khi Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn chia sẻ tiền nước miễn, giảm do dịch bệnh Covid-19 là 6.158,98 đồng/m³;

- Phụ lục Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch về việc điều chỉnh giảm đơn giá mua bán sỉ từ kỳ 1 đến kỳ 12 năm 2021 từ 6.389,44 đồng/m³ thành 6.158,98 đồng/m³, giá trị điều chỉnh giảm 27.418.869.894 đồng.

b) Hợp đồng thuê tài sản : Hợp đồng số 2976/HĐ-TCT-KTTC ngày 14/6/2021 và phụ lục số 6275/PLHĐ-TCT-KTTC ngày 31/12/2021. Giá trị hợp đồng thuê tài sản năm 2021 là 12.108.799.772 đồng.

c) Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước: Hợp đồng 5200/HĐ-TCT-KHĐT ngày 16/11/2021, giá trị hợp đồng 3.562.388.500 đồng.

9.2 Hợp đồng giao dịch năm 2022.

Thông qua dự thảo các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn. Giao Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định giá mua bán sỉ nước sạch năm 2022 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

Giám đốc công ty ký Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị về đơn giá mua bán sỉ.

b) Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước do Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác sau khi đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

c) Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các giao dịch trên trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

10. Tạm ứng cổ tức năm 2022.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2022 khi xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty

Điều 2. Thông qua kết quả bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2027

1. Thành viên trúng cử vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027

- Ông/Bà
- Ông/Bà
- Ông/Bà
- Ông/Bà

- Ông/Bà
- Ông/Bà

2. Thành viên trúng cử vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 - 2027

- Ông/Bà
- Ông/Bà
- Ông/Bà
- Ông/Bà

3. Kết quả bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Không lựa chọn được thành viên độc lập Hội đồng quản trị do không có ứng cử viên đáp ứng điều kiện và tiêu chuẩn của thành viên độc lập theo quy định.

Điều 3. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 4

(i) Bổ sung các ngành nghề sau:

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh bổ sung	Mã ngành
1	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy sản))	4322
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4663
4	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.	7730
5	Xây dựng nhà để ở	4101
6	Xây dựng nhà không để ở	4102
7	Xây dựng công trình đường sắt	4211
8	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9	Xây dựng công trình điện	4221
10	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
12	Xây dựng công trình công ích khác	4229
13	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
15	Phá dỡ	4311

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh bổ sung	Mã ngành
16	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy xây dựng.	4659
19	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
20	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở)	1104
21	Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở	68101
22	Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở	68103
23	Bán buôn đồ uống	4633
24	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
25	Cho thuê xe có động cơ	7710
26	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

(ii) Sửa đổi, bổ sung chi tiết ngành, nghề kinh doanh:

Stt	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng)	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Lập dự án đầu tư công trình xây dựng. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn đấu thầu. Khảo sát địa hình công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông đường bộ; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Lập dự toán và tổng dự toán các công trình. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải.

b) Sửa đổi, bổ sung các điều khoản khác

Điều/khoản	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung
20	Điều 20 không quy định	Bổ sung các nội dung sau:

Điều/ khoản	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung
		<p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>
34.1	1. Người điều hành Công ty là Giám đốc và người điều hành khác theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (nếu có), Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.	1. Người điều hành Công ty là Giám đốc và người điều hành khác theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (nếu có). <i>Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT</i> , Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định....
53.2	2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).	<p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) như sau:</p> <p>a) Số lượng: 01 con dấu chính thức</p> <p>b) Hình thức: dấu tròn, màu đỏ</p> <p>c) Nội dung: bao gồm tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính (chỉ ghi cấp quận/huyện/thành phố trực thuộc và Thành phố Hồ Chí Minh. Chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp; vành dấu có mã số doanh nghiệp và địa chỉ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.</p> <p>d) Con dấu được lưu trữ tại trụ sở chính của công ty.</p>

2. Về sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh

Trong phạm vi ngành nghề đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Giám đốc công ty – Người đại diện theo pháp luật tiến hành các thủ tục có liên quan đến việc bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBCKNN;
- SGDCK;
- Lưu.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU

Mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông dùng số phiếu bầu của mình ghi vào ô chọn cho người mà mình tín nhiệm cạnh danh sách tên của từng ứng cử viên và bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu. Trong trường hợp viết sai, cổ đông/đại diện cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

a. Xác định tổng số quyền bầu cử:

Tổng số quyền bầu cử của cổ đông/đại diện cổ đông được xác định như sau:

$$\boxed{\text{Tổng số quyền bầu cử}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện}} \times \boxed{\text{Số thành viên được bầu}}$$

b. Cách thức bầu dồn phiếu.

Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên

Ví dụ :

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu là **06** người, số ứng viên được đề cử là 07 người. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (5.000 cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

Tổng số phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông Nguyễn Văn A là:

(5.000 x 6) = 30.000 phiếu biểu quyết.

Cổ đông có thể bầu thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu như sau:

1) Phiếu bầu hợp lệ:

Stt	Họ và tên ứng viên	Cách thức bầu dồn phiếu khác nhau, cổ đông chọn 01 trong 3 cách sau		
		Cách 1: dồn tất cả quyền bầu cho 01 cổ đông	Cách 2: chia đều số quyền bầu cho các ứng viên	Cách 3: chia quyền bầu khác nhau cho một số ứng viên
1	Ứng cử viên A	30.000	5.000	7000
2	Ứng cử viên B	0	5.000	0
3	Ứng cử viên C	0	5.000	5.000
4	Ứng cử viên D	0	5.000	3.000
5	Ứng cử viên E	0	5.000	0

Stt	Họ và tên ứng viên	Cách thức bầu dồn phiếu khác nhau, cử đồng chọn 01 trong 3 cách sau		
		Cách 1: dồn tất cả quyền bầu cho 01 cử đồng	Cách 2: chia đều số quyền bầu cho các ứng viên	Cách 3: chia quyền bầu khác nhau cho một số ứng viên
6	Ứng cử viên F	0	5.000	0
7	Ứng cử viên G	0	0	10.000
	Tổng cộng	30.000	30.000	25.000
Phiếu hợp lệ do Số phiếu bầu không vượt quá Tổng số quyền biểu quyết				

2) Phiếu không hợp lệ.

Stt	Họ và tên ứng viên	Cách thức bầu dồn phiếu	
		Trường hợp 1	Trường hợp 2
1	Ứng cử viên A	35.000	3.000
2	Ứng cử viên B	0	3.000
3	Ứng cử viên C	0	3.000
4	Ứng cử viên D	0	3.000
5	Ứng cử viên E	0	3.000
6	Ứng cử viên F	0	3.000
7	Ứng cử viên G	0	3.000
	Tổng cộng	35.000	21.000
Lý do phiếu không hợp lệ		Vượt quá tổng quyền biểu quyết	Vượt quá số người được bầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****GIẤY ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT/BKS****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC - NHIỆM KỲ 2022-2027****Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.**

Tên cổ đông:

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Cấp ngày: tại

Địa chỉ thường trú :

Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm hiện tại là :
 cổ phần, chiếm% tổng số 8.500.000 cổ phần có quyền biểu quyết mà Quý Công
 ty phát hành.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, tôi xin tự ứng cử là thành
 viên HĐQT, BKS của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Vị trí ứng cử:

- Thành viên HĐQT: ☐- Thành viên BKS: ☐

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào Hội đồng quản trị theo quy định
 của Điều lệ công ty và Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tôi cam kết về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và cam
 kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty
 nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Cổ đông ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ đính kèm bao gồm:

1. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh (theo mẫu)
2. Bản sao CMND/Hộ chiếu có công chứng.
3. Bản sao bằng chứng nhận trình độ chuyên môn có công chứng.
4. Giấy ủy quyền ứng cử (nếu ứng cử viên được cổ đông / nhóm cổ đông là cá nhân ủy quyền ứng cử).

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**GIẤY ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC - NHIỆM KỲ 2022-2027****Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức**

Tên cổ đông:

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Cấp ngày: tại

Địa chỉ thường trú :.....

Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm hiện tại là :
 cổ phần, chiếm% tổng số 8.500.000 cổ phần có quyền biểu quyết mà Quý Công
 ty phát hành.

Đồng ý đề cử các cá nhân có tên dưới đây tham gia vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
 nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Stt	Họ và tên	CMND/HC/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Vị trí đề cử

Tôi xin cam đoan các ứng viên được đề cử có đủ điều kiện để ứng cử vào Hội đồng quản
 trị, Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế bầu Thành viên Hội đồng
 quản trị, Ban kiểm soát.

Tôi hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

Cổ đông đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên- đóng dấu nếu là pháp nhân)

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

5. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh (mẫu).
6. Bản sao CMND/Hộ chiếu có công chứng.
7. Bản sao bằng chứng nhận trình độ chuyên môn có công chứng.
8. Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ảnh

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----oOo-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. CMND/CCCD Ngày cấp: Nơi cấp:
6. Quốc tịch:
7. Dân tộc:
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại :
10. Địa chỉ email:
11. Trình độ chuyên môn:
12. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội)

13. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác

Stt	Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị	Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức danh quản lý khác

14. Tổng số cổ phần nắm giữ :

Trong đó:

Cổ phần đại diện:

Cá nhân sở hữu:

15. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:

(Người có liên quan gồm: Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó)

Stt	Họ tên	Mối liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %

16. Những khoản nợ đối với Công ty:

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Tôi cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

Tp.HCM, ngày tháng năm 2022

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ – Công ty con;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2022, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

**BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN:**

Ông: **Nguyễn Thanh Sử**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc lâm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 5382/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC:

Ông: **Nguyễn Ngọc Hùng**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 sẽ thực hiện việc mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I/ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II/ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 20 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước sạch mua bán si hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán si nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A (Phụ lục).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục).
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

2.2.2 Cách tính lượng nước mua bán si :

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán si được xác định:

$$Q = \sum_i Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán si.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường xuất hiện xi, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đầu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán si trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

- + ***Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

- + ***Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã

thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

+ Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

+ Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo "hệ số K".

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

+ Trường hợp 5: aong no tong noat aong vinn nuong, độ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

+ Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường *so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ*. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thể để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán sẽ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

2.2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ hai bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 20 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Trường hợp ngày 20 hàng tháng rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định, thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được thực hiện vào ngày liền kề sau đó và nội suy sản lượng cho ngày 20.

III/ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 như sau:

$$GBS_{2022} = GBS \text{ tính lại } 2021 * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng thực tế giá bán lẻ bình quân})$$

Trong đó:

- *GBS tính lại 2021* : là đơn giá mua bán sỉ cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B tính lại năm 2021 tăng

theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2021 so với năm 2020. Cụ thể là **6.307,46 đồng/m³**.

- *% Tốc độ tăng thực tế giá bán lẻ bình quân*: là tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2022 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2021.

Mức tăng tạm áp dụng là **6%** theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Cuối năm 2022, hai bên sẽ tính toán lại đơn giá bán sỉ nước sạch theo tốc độ tăng thực tế giá bán lẻ bình quân năm 2022 so với năm 2021.

2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 sẽ được tính theo đơn giá như sau:
 - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục) là **6.685,91 đồng/m³**. Đơn giá này sẽ được tính toán lại vào cuối năm theo nguyên tắc xác định đơn giá trên.
 - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A như sau:

- Thanh toán 50% số tiền mua bán vào ngày 05 của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán.
- Thanh toán hết số tiền còn lại sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán lần đầu.
- Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- Thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng, nếu có những phát sinh vượt dự kiến, hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

Đ/DIỆN CTY CP CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

**Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
-TNHH MTV**

(Đính kèm Bản thỏa thuận về hợp đồng mua bán sỉ nước sạch ngày / /2022)

PHỤ LỤC DANH SÁCH ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet)

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	td1001	Tran Nao
2	td1004	Khu vực nhà máy nước Bình An
3	td1005	Khu vực Bình Thang
4	td1006	Khu vực Gian Dan
5	td1007	Khu vực Đại học Quốc Gia
6	td1008	Khu vực Xa lộ Đại Hàn
7	td1010	Khuon viên NMN
8	td1011	Nguyen van Ba
9	td1012	Khu vực Nga tu Bình Thai
10	td1014	RMK
11	td1016	C/x An Bình
12	td1017	Riverside
13	td1018	Khu vực An Dien - An Phu
14	td1020	Lien tinh lo 25B
15	td1025	Vo Van Ngan
16	td1026	Nguyen Xien
17	td1027	Cau Bình Phước (TD)
18	td1028	Tháp cat áp Thu Duc
19	td1029	Xa lộ Hà Nội (đổi diện NMN BOO)
20	td1030	Truyền tải diện 4
21	td1032	Nga ba Tân Văn (mới lập)
22	td1041	Luong Dinh Cua – Tinh lo 25B
23	td1043	Do Xuan Hop
24	td1044	Nga ba cat lai
25	td1047	Quốc lộ 13 - Kha Van Can (Trạm xăng dầu Forimex)
26	td1048	Le Van Viet (2)
27	td1049	Linh Dong - duong 28
28	td1051	7 Dang Van Bi – Nguyen Van Ba
29	td1052	Vo Van Ngan – Le Van Chi
30	td1053	Chân cầu Sài Gòn
31	td1054	Cay xăng Dong Hoa, 132 Xa lộ Hà Nội, Di An Bình Dương

2. Đồng hồ tổng tách mạng

STT	Mã vị trí	Vị trí
32	td2019	Cau Bình Triệu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ – Công ty con;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2022 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2022, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Do Ông : **Nguyễn Thanh Sử** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 5382/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC (Bên mua)

Trụ sở chính : Số 08 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 960 240

Fax: (84.8) 38 960 241

Tài khoản số : 102010000498746 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN 14 Tp. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0304803601

Do Ông : **Nguyễn Ngọc Hùng** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.

1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.

1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.

1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.

1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.

1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.

1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **8.000.000 m³** (tám triệu mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

- 2.1.1 Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 20 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 20 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Trường hợp ngày 20 hàng tháng rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định, thì việc ghi nhận khối lượng nước mua bán được thực hiện vào ngày liền kề sau đó và nội suy sản lượng cho ngày 20. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

- 2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại Khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

- 2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

- 2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

- 3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.
- 3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:
 - 3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:
 Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.
 - 3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:
 Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.
- 3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:
 - 3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II, Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.
 - 3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại khoản 3.3.1 của điều

này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

- 3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **6.685,91 đồng/m³**.
- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán

- 5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán si nước sạch như sau:
- 5.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 50% (năm mươi phần trăm) số tiền mua bán si nước sạch cho Bên A.
- 5.1.2 Tối đa sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
- 5.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
- 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 3).
- Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 4).
- Bảng kết quả kiểm nghiệm.
- Hóa đơn bán si.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
- 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
 - 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.
 - 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xi, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
 - 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).
 - 7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiền độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
 - 7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.
- 7.2 Trách nhiệm của Bên B:
- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
 - 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xi, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
 - 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.
- 7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:
- 7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).
- 7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

- 8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình ma vẫn không ngăn chặn được như:
- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
 - Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
 - Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
 - Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
 - Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.
- 8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

- 8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022.
- 9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Đính kèm Hợp đồng số /HĐ-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

PHỤ LỤC 1

Danh sách đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định

1. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet)

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	td1001	Tran Nao
2	td1004	Khu vực nhà máy nước Bình An
3	td1005	Khu vực Bình Thang
4	td1006	Khu vực Gian Dan
5	td1007	Khu vực Đại học Quốc Gia
6	td1008	Khu vực Xa lộ Đại Han
7	td1010	Khu vực viên NMN
8	td1011	Nguyen van Ba
9	td1012	Khu vực Nga tu Binh Thai
10	td1014	RMK
11	td1016	C/x An Binh
12	td1017	Riverside
13	td1018	Khu vực An Dien - An Phu
14	td1020	Lien tinh lo 25B
15	td1025	Vo Van Ngan
16	td1026	Nguyen Xien
17	td1027	Cau Binh Phuoc (TD)
18	td1028	Thap cat ap Thu Duc
19	td1029	Xa lo Ha Noi (doi dien NMN BOO)
20	td1030	Truyen tai dien 4
21	td1032	Nga ba Tan Van (moi lap)
22	td1041	Luong Dinh Cua – Tinh lo 25B
23	td1043	Do Xuan Hop
24	td1044	Nga ba cat lai
25	td1047	Quoc lo 13 - Kha Van Can (Tram xang dau Forimex)
26	td1048	Le Van Viet (2)
27	td1049	Linh Dong - duong 28
28	td1051	7 Dang Van Bi – Nguyen Van Ba
29	td1052	Vo Van Ngan – Le Van Chi
30	td1053	Chan cau Sai Gon
31	td1054	Cay xang Dong Hoa, 132 Xa lo Ha Noi, Di An Binh Duong

2. Đồng hồ tổng tách mạng

STT	Mã vị trí	Vị trí
32	td2019	Cau Binh Trieu

(Đính kèm Hợp đồng số /HD-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT

được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế

MỤC I: CÁC CHỈ TIÊU VÀ THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH:

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Tần suất thử nghiệm
<i>Thông số vi sinh vật</i>				
1.	Coliform	CFU/100 mL	<3	Tháng
2.	E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt	CFU/100 mL	<1	Tháng
3.	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100mL	< 1	06 tháng
4.	Trực khuẩn mô xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/ 100mL	< 1	06 tháng
<i>Thông số cảm quan và vô cơ</i>				
5.	Arsenic (As) (*)	mg/L	≤ 0.01	06 tháng
6.	Clo dư tự do	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0	Tháng
7.	Độ đục	NTU	≤ 2	Tháng
8.	Màu sắc	TCU	≤ 15	Tháng
9.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Tháng
10.	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5	Tháng
11.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
12.	Antimon (Sb)	mg/L	≤ 0,02	06 tháng
13.	Bari (Bs)	mg/L	≤ 0,7	06 tháng
14.	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
15.	Cadmi (Cd)	mg/L	≤ 0,003	06 tháng
16.	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	≤ 0,01	06 tháng
17.	Chỉ số pecmanganat	mg/L	≤ 2	06 tháng
18.	Chloride (Cl ⁻)	mg/L	≤ 250	06 tháng
19.	Chromi (Cr)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
20.	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	≤ 1	06 tháng
21.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	≤ 300	06 tháng
22.	Fluor (F)	mg/L	≤ 1,5	06 tháng
23.	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	≤ 2	06 tháng
24.	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 0,1	06 tháng
25.	Natri (Na)	mg/L	≤ 200	06 tháng
26.	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	≤ 0.2	06 tháng
27.	Nickel (Ni)	mg/L	≤ 0,07	06 tháng
28.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	≤ 2	06 tháng

29.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
30.	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
31.	Seleni (Se)	mg/L	≤ 0,01	06 tháng
32.	Sunphat	mg/L	≤ 250	06 tháng
33.	Sunfua	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
34.	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	≤ 0,001	06 tháng
35.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	≤ 1000	06 tháng
36.	Xyanua (CN)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
Thông số hữu cơ				
a. Nhóm Alkan clo hóa				06 tháng
37.	1,1,1 -Tricloroetan	µg/L	≤ 2000	
38.	1,2 - Dicloroetan	µg/L	≤ 30	
39.	1,2 - Dicloroeten	µg/L	≤ 50	
40.	Cacbonetetraclorea	µg/L	≤ 2	
41.	Diclorometan	µg/L	≤ 20	
42.	Tetracloroeten	µg/L	≤ 40	
43.	Tricloroeten	µg/L	≤ 20	
44.	Vinyl clorua	µg/L	≤ 0,3	
b. Hydrocacbua thơm				06 tháng
45.	Benzen	µg/L	≤ 10	
46.	Etylbenzen	µg/L	≤ 300	
47.	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	≤ 1	
48.	Styren	µg/L	≤ 20	
49.	Toluen	µg/L	≤ 700	
50.	Xylen	µg/L	≤ 500	
c. Nhóm Benzen Clo hóa				06 tháng
51.	1,2 - Diclorobenzen	µg/L	≤ 1000	
52.	Monoclorobenzen	µg/L	≤ 300	
53.	Triclorobenzen	µg/L	≤ 20	
d. Nhóm chất hữu cơ phức tạp				06 tháng
54.	Acrylamide	µg/L	≤ 0,5	
55.	Epichlorhydrin	µg/L	≤ 0,4	
56.	Hexaclo ro butadien	µg/L	≤ 0,6	
Thông số hóa chất bảo vệ thực vật				
57.	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/L	≤ 1	06 tháng
58.	1,2 - Dicloropropan	µg/L	≤ 40	
59.	1,3 - Dichloropropen	µg/L	≤ 20	
60.	2,4-D	µg/L	≤ 30	
61.	2,4 - DB	µg/L	≤ 90	
62.	Alachlor	µg/L	≤ 20	
63.	Aldicarb	µg/L	≤ 10	
64.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	≤ 100	

65.	Carbofuran	µg/L	≤ 5	
66.	Chlorpyrifos	µg/L	≤ 30	
67.	Clodane	µg/L	≤ 0,2	
68.	Clorotoluron	µg/L	≤ 30	
69.	Cyanazine	µg/L	≤ 0,6	
70.	DDT và các dẫn xuất	µg/L	≤ 1	
71.	Dichloprop	µg/L	≤ 100	
72.	Fenoprop	µg/L	≤ 9	
73.	Hydroxyatrazine	µg/L	≤ 200	
74.	Isoproturon	µg/L	≤ 9	
75.	MCPA	µg/L	≤ 2	
76.	Mecoprop	µg/L	≤ 10	
77.	Methoxychlor	µg/L	≤ 20	
78.	Molinate (**)	µg/L	≤ 6	
79.	Pendimetalin	µg/L	≤ 20	
80.	Permethrin Mg/t	µg/L	≤ 20	
81.	Propanil Uq/L	µg/L	≤ 20	
82.	Simazine	µg/L	≤ 2	
83.	Trifluralin	µg/L	≤ 20	
Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ				06 tháng
84.	2,4,6 - Triclorophenol	µg/L	≤ 200	
85.	Bromat	µg/L	≤ 10	
86.	Bromodichloromethane	µg/L	≤ 60	
87.	Bromoform	µg/L	≤ 100	
88.	Chloroform	µg/L	≤ 300	
89.	Dibromoacetonitrile	µg/L	≤ 70	
90.	Dibromochloromethane	µg/L	≤ 100	
91.	Dichloroacetonitrile	µg/L	≤ 20	
92.	Dichloroacetic acid	µg/L	≤ 50	
93.	Formaldehyde	µg/L	≤ 900	
94.	Monochloramine	µg/L	≤ 3,0	
95.	Monochloroacetic acid	µg/L	≤ 20	
96.	Trichloroacetic acid	µg/L	≤ 200	
97.	Trichloroaxetonitril	µg/L	≤ 1	
Thông số nhiễm xạ				06 tháng
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	≤ 0,1	
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	≤ 1,0	

Chú thích:

- Dấu (*) theo QCVN 01-1:2018/BYT quy định giám sát hàng tháng đối với đơn vị khai thác nước ngầm nhưng không quy định đối với nước mặt do đó đối với nước trên mạng lưới giám sát 06 tháng;

- Dấu (**) áp dụng theo giới hạn cho phép của QCVN 01:2009/BYT do QCVN 01-1:2018/BYT đề cập nhưng lại không quy định giới hạn cho phép.

MỤC II: CÁC CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM:

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| 1. Coliform | 5. Màu sắc |
| 2. E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt | 6. Mùi, vị |
| 3. Clo dư tự do | 7. pH |
| 4. Độ đục | |

(Đính kèm Hợp đồng số /HĐ-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

PHỤ LỤC 3: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN THỦ ĐỨC KỲ .../...

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: /BB-TDNS-QLDHT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN KỲ .../...

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Công ty Cổ phần Cấp nước
chúng tôi gồm:

Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Ông/Bà: (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước

Ông/Bà:

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

I. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG (A)

a1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của
hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

a2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng,
nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

a3. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng khai thác trực tiếp trên tài
sản Bên A, nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A3)

a3.1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ
tổng nguồn: (A3.1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
-----	-----	--------	--------------------	-------------------------------	-----------------------------	---	---------

1							
2							
...					
CỘNG							

a3.2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn:
(A3.2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

II. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có) (B)

b1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B1)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B2)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B3)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

III. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THÔNG NHẤT) (C)

c1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C1)

i. BÊN A

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

.....

.....

ii. BÊN B

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

.....

.....

- c2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C2)

i. BÊN A

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

.....

.....

ii. BÊN B

- a.
- b.
- c.

- c3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C3)

i. BÊN A

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

.....

.....

ii. BÊN B

- a.
- b.
- c.

IV. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ

(A)	Lượng nước qua ĐHT (A1+A2+A3.2)		(m ³)
(A1)	Lượng nước qua các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)
(A2)	Lượng nước qua ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)

(Đính kèm Hợp đồng số /HĐ-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

PHỤ LỤC 4: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
⟨⟩

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/TB-TCT-.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN
KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN KỲ ... NĂM ...**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước

- Căn cứ hợp đồng mua bán si nước sạch số ... ngày ...
- Căn cứ Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán kỳ ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông báo số tiền Quý Công ty phải thanh toán cho khối lượng nước mua bán kỳ .../năm... như sau:

- Khối lượng nước mua bán: ... m³
- Đơn giá: ... đồng/m³.
- Thành tiền: ... đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: đồng.
- **Tổng số tiền phải thanh toán: ... đồng.**

Đề nghị Quý Công ty thanh toán tiền nước mua si vào ngày __ tháng __ năm __.

Trân trọng.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên.
- P.KTTC.
- P.KDDVKH.

(Đính kèm Hợp đồng số /HD-TCT-KDDVKH ngày / /2022)

PHỤ LỤC 5:
QUY TRÌNH XỬ LÝ, TRƯỜNG HỢP TÍNH TRUNG BÌNH
VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP GẶP SỰ CỐ,
NGHI NGỜ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA ĐỒNG HỒ TỔNG

i. Quy trình xử lý khi đồng hồ tổng có sự cố bất thường.

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

- 1.1. Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- 1.2. Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- 1.3. Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:
 - 1.3.1. Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đầu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.
 - 1.3.2. Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

ii. Các trường hợp tính bình quân lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm.

2.1. Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

2.2. Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).

- 2.2.1. Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.2.2. Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

2.3. Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).

2.3.1. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2.2.2

2.3.2. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

2.3.3. Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 1.3 nêu trên.

2.4. Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết

- Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.
- Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo mục 2.1 hoặc mục 2.2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

2.5. Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:

- Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.
- Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.6. Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

- Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối

lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo mục 2.2.

- Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.
- Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thể để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

iii. Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng

- 3.1. Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- 3.2. Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- 3.3. Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 3.4. Lượng nước mua bán sử dụng trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại mục 2.2.
- 3.5. Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:
 - 3.5.1. Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.
 - 3.5.2. Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.
 - 3.5.3. Lượng nước đã tạm tính ở mục 3.4 sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.



Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng:

Giá thuê tài sản trong thời gian 01 (một) năm là **11.448.072.295 đồng** (Số tiền bằng chữ: Mười một tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ xem xét điều chỉnh giá thuê tài sản hoạt động trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của hai bên và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng trước ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Phương thức thanh toán:

Bên B thanh toán tiền thuê tài sản mỗi quý cho Bên A trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn với số tiền đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, cụ thể:

- Xuất hóa đơn tháng 01/2022 vào ngày hợp đồng có hiệu lực, số tiền **970.175.619 đồng**.
- Xuất hóa đơn tháng 02,03/2022 vào ngày hợp đồng có hiệu lực, số tiền **1.905.072.124 đồng**.
- Xuất hóa đơn quý 2 vào ngày 01/6/2022, số tiền **2.857.608.184 đồng**.
- Xuất hóa đơn quý 3 vào ngày 01/9/2022, số tiền **2.857.608.184 đồng**.
- Xuất hóa đơn quý 4 vào ngày 01/12/2022, số tiền **2.857.608.184 đồng**.

3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của hai bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Có trách nhiệm nhận lại tài sản cho thuê khi hết hạn Hợp đồng trong trường hợp Bên B không tiếp tục gia hạn hợp đồng.
- Bên A có quyền đơn phương hủy hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên B có các hành vi sau đây:
 - + Không trả tiền thuê trong một quý.
 - + Sử dụng tài sản không đúng công dụng và mục đích của tài sản.
 - + Làm mất mát hoặc hư hỏng tài sản thuê.
 - + Cho người khác thuê lại tài sản mà không có sự đồng ý của Bên A.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Có trách nhiệm bảo quản và không được thay đổi tình trạng của tài sản thuê.
- Bảo đảm sử dụng tài sản thuê đúng công dụng và mục đích của tài sản thuê.
- Trong quá trình sử dụng, nếu Bên B làm hư hỏng hoặc thay đổi tình trạng của tài sản thuê thì Bên B sẽ chịu mọi chi phí sửa chữa hoặc thay thế tài sản bị hư hỏng.
- Trả đủ tiền thuê tài sản theo phương thức đã thỏa thuận, Bên B sẽ chịu lãi suất vay ngân hàng 0,05%/ngày cho số ngày trả chậm.

- Bên B có quyền đơn phương hủy hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên A chậm giao tài sản theo thỏa thuận gây thiệt hại cho Bên B.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo đúng quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề trở ngại hoặc tranh chấp thì hai bên chủ động thương lượng giải quyết trên tinh thần hòa giải, đôi bên cùng có lợi. Nếu cần thì lập Phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung hợp đồng. Trường hợp có tranh chấp không tự thỏa thuận được, vụ việc sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo luật định. Bên thua kiện sẽ chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc tranh chấp.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và được xem như thanh lý khi các bên hoàn tất các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản. Mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

Trần Quang Minh

Nguyễn Ngọc Hùng

BẢNG KÊ TÀI SẢN CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

(Đính kèm Hợp đồng số: /HĐ-TCT-KTTC ngày tháng năm 2022)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá thuê
1	LĐTO CN Khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc	1.080.526.932	108.052.693
2	LĐTO đường Tô Ngọc Vân (Chợ Thủ Đức - Nguyễn Đình Nghi)	6.188.234.908	618.823.491
3	PTMLCN các hẻm phường Trường Thạnh, Long Bình, Long Phước, Quận 9	6.865.800.217	889.087.594
4	PTMLCN đường Ngô Chí Quốc, P.Bình Chiểu, Q.Thủ Đức (Lắp đặt ống bên lề trái hướng từ TP.HCM đi Bình Dương)	4.204.317.650	537.485.321
5	PTMLCN phường Tam Bình, phường Tam Phú, Quận Thủ Đức	8.232.196.469	1.069.290.176
6	PTMLCN đường Bình Chiểu và các hẻm phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức	9.322.250.681	1.202.748.713
7	PTMLCN các hẻm phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức	5.345.359.776	701.025.898
8	PTMLCN đường Ngô Chí Quốc, P.Bình Chiểu, Q.Thủ Đức (Lắp đặt ống bên lề phải hướng từ TP.HCM đi Bình Dương)	2.322.483.068	302.059.034
9	PTMLCN phường Long Trường, Quận 9	7.681.120.603	935.836.798
10	PTMLCN phường Long Thạnh Mỹ, Tân Phú, Quận 9	6.080.119.680	779.493.622
11	PTMLCN phường Phú Hữu, Tăng Nhơn Phú A, Tăng Nhơn Phú B, Hiệp Phú, Quận 9	5.891.272.187	756.968.203
12	PTMLCN các hẻm đường Ngô Chí Quốc, phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức	4.815.334.524	622.728.615
13	PTMLCN phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức	3.665.445.110	474.274.970

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá thuê
14	LĐTO cấp 2 Tỉnh lộ 43 – giai đoạn 3 (kênh Ba Bò - KCX Linh Trung 2), Q.Thủ Đức	88.434.243	8.843.424
15	PTMLCN Khu dân cư Thạnh Mỹ Lợi, Q.2	4.702.989.065	470.298.907
16	PTMLCN Đại Lộ Đông Tây	1.329.987.981	132.998.798
17	PTMLCN dọc Đại Lộ Đông Tây Quận 2	9.737.177.601	973.717.760
Cộng:			10.583.734.017
Thuế GTGT 10%:			88.197.784
Thuế GTGT 8%:			776.140.494
Tổng cộng:			11.448.072.295

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

Trần Quang Minh

Nguyễn Ngọc Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG
CHUYỂN NHƯỢNG VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC

Số: _____/HD - TCT - KHĐT

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định 239/QĐ-UBND-TC ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 08 tháng 02 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-TCT-TCNS ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn về việc phân công công việc của Ban Tổng Giám đốc;

Theo nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2022 tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên chuyển nhượng): TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở : Số 01 Công trường Quốc tế, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM
 Điện thoại : (84.8) 829 1777 – Fax: (84.8) 824 1644
 Mã số thuế : 0301129367
 Tài khoản : Số 2011100459999 tại Ngân hàng MB – Bắc Sài Gòn
 (Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn)
 Đại diện : **Ông Trần Quang Minh** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B (Bên nhận chuyển nhượng): CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Trụ sở : Số 8 Không Từ, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM
 Điện thoại : 028 38960240 Fax: 38 960241
 Mã số thuế : 0304803601
 Tài khoản : 1100 0000 8505 tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
 Chi nhánh Đông Sài Gòn, TP.Hồ Chí Minh
 Đại diện : **Ông Nguyễn Ngọc Hùng** - Chức vụ: Giám Đốc

Hai bên đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng vật tư với các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1: VẬT TƯ CHUYỂN NHƯỢNG – GIÁ CẢ:

Số TT	Tên hàng hóa	Số lượng (cái)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
01	Đồng hồ nước DN15mm cấp C loại thể tích	17.500		

Ghi chú:

- Đơn giá được xác định tại thời điểm nhượng vật tư của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên. Căn cứ giá đấu thầu rộng rãi gói thầu mua sắm đồng hồ nước của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên.
- Đơn giá trên không bao gồm chi phí vận chuyển và bốc xếp hàng lên tại kho của bên A và hàng xuống tại kho của bên B.

ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT

- Đồng hồ nước 15ly cấp C hoặc cấp chính xác 2 - R160
- Đồng hồ nước kiểu thể tích dạng pittông.
- Đồng hồ nước đạt cấp đo lường là cấp chính xác 2 -R160 theo tiêu chuẩn ISO 4064 (TCVN 8779) hoặc OIML R49 hoặc ĐLVN 17.
- Đồng hồ nước có hệ thống truyền động từ bộ đo lên mặt số theo nguyên tắc cơ khí
- Áp lực làm việc tối thiểu là 10 bars.
- Tổn thất áp lực ≤ 1 bar ở Qmax.
- Hoạt động ổn định và chính xác trong nhiệt độ môi trường là 40°C.
- Trên thân đồng hồ có thể hiện dòng nước chảy
- Thân đồng hồ nước được làm bằng đồng thau (đồng $\geq 58\%$) bên ngoài được sơn epoxy có độ dày tối thiểu 250 μ m hoặc sơn tĩnh điện.
- Bề mặt ngoài thân đồng hồ, kể cả nắp bảo vệ đồng hồ phải được xử lý sạch sẽ.
- Kết nối ren theo tiêu chuẩn ISO 228-1
- Đồng hồ nước có chiều dài không khâu nối là $L = 165 \pm 2$ mm.
- Đồng hồ phải có lưới lọc chặn cát và cặn đi vào bộ ruột đồng hồ nước
- Chữ số thể hiện m³ màu đen trên mặt số đồng hồ tối thiểu là 4 chữ số. Đơn vị tính lượng nước là m³ (thể hiện tối thiểu 9999) màu đen. Đơn vị tính nhỏ hơn m³ màu đỏ. Đơn vị tính nhỏ nhất là 0.0001 m³.
- Toàn bộ phụ tùng, linh kiện bằng nhựa bên trong đồng hồ nước được chế tạo từ vật liệu nhựa kỹ thuật cao, chống mài mòn.
- Thời gian bảo hành tối thiểu 01 năm.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA.

- Địa điểm giao hàng: Bên A giao hàng tại kho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, số 2 đường Lê Văn Chí phường Linh Trung – Thành phố Thủ Đức - TP.HCM.
- Thời gian giao hàng: Bên A sẽ lập phiếu xuất kho theo yêu cầu của bên B theo từng đợt hoặc khi có yêu cầu của bên B.

- Bên A sẽ giao kèm các chứng từ khi giao hàng:
 - + Giấy kết quả kiểm định từng cái đồng hồ của Cơ quan Nhà nước có chức năng kiểm định hoặc được ủy quyền kiểm định (bản chính).
 - + Hóa đơn GTGT.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Thời hạn thanh toán:

Bên A sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên B cùng thời điểm ngày lập phiếu xuất kho. **Trong vòng 15 ngày** kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn GTGT, bên B thanh toán số tiền cho bên A tương ứng với số lượng đồng hồ nước giao nhận.

4.2. Phương thức thanh toán:

- Bên B chuyển khoản 100% giá trị mỗi đợt giao hàng theo Hợp đồng bằng tiền đồng Việt Nam vào tài khoản của Bên A.
- Hoặc Bên A và Bên B có thể thanh toán bù trừ công nợ lẫn nhau.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN.

5.1 Trách nhiệm của bên A:

- Giao hàng đúng số lượng, đúng thời hạn được quy định theo điều 1, điều 2 và điều 3 của hợp đồng này.

5.2 Trách nhiệm bên B:

- Tổ chức kiểm nhận hàng theo điều 1, điều 2 và điều 3 của hợp đồng.
- Thanh toán đúng thời hạn theo điều 4 của hợp đồng, quá thời hạn trên mà chưa thanh toán, Bên B sẽ trả thêm cho Bên A phần lãi suất do trả chậm tính theo lãi suất cho vay kỳ hạn 3 tháng (tại thời điểm tính lãi) của Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Tp.HCM tính từ ngày thời hạn thanh toán tiền theo điều 4 đến ngày bên B trả tiền.

ĐIỀU 6: CAM KẾT CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Nếu có vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên cùng bàn bạc trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau, thống nhất ý kiến bằng bằng văn bản và văn bản thể hiện ý thống nhất giải quyết của hai bên là Phụ lục hợp đồng.
- Trường hợp có tranh chấp không tự thỏa thuận được, vụ việc sẽ được Toà Kinh Tế - Tòa án Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh giải quyết theo luật định. Quyết định của Toà Án là bắt buộc và cuối cùng.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG:

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và kết thúc khi hai bên đã thực hiện xong các nghĩa vụ giao hàng và thanh toán tiền.
- Sau khi các bên thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng này thì xem như hợp đồng này đã được thanh lý.
- Hợp đồng này được lập thành 08 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 04 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B